

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI



HOÀNG THỊ ĐỢI

**XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ
KHUÔN MẶT HÀI HOÀ CHO NGƯỜI
DÂN TỘC KINH ĐỘ TUỔI 18 - 25**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ Y HỌC

HÀ NỘI – 2020

CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

Người hướng dẫn khoa học:

PGS.TS. Võ Trương Như Ngọc
PGS.TS. Nguyễn Thị Thúy Hạnh

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Trường
hợp tại Trường Đại học Y Hà Nội

Vào hồi giờ ngày tháng năm 2020

Có thể tìm hiểu luận án tại:

1. Thư viện Quốc gia Việt Nam
2. Thư viện Trường Đại học Y Hà Nội

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ

1. **Hoàng Thị Đợi**, Nguyễn Thị Thúy Hạnh, Võ Trương Như Ngọc, Nguyễn Hoàng Minh (2019). Một số quan điểm về khuôn mặt hài hòa của sinh viên Đại học Bình Dương, Đại học Thủ dầu một và Cao đẳng Y tế Bình Dương. *Tạp chí Y học thực hành*, 1(1008), 24-28.
2. **Hoàng Thị Đợi**, Nguyễn Hoàng Minh, Nguyễn Phương Huyền, Võ Trương Như Ngọc, Nguyễn Thị Thúy Hạnh (2019). Đặc điểm một số chỉ số khuôn mặt ở nhóm sinh viên có khuôn mặt hài hòa trên phim Cephalometric. *Tạp chí Y học Việt Nam*, 483, 253-258.
3. **Hoàng Thị Đợi**, Võ Trương Như Ngọc, Nguyễn Thị Thúy Hạnh, Nguyễn Hoàng Minh (2018). Đặc điểm hình thái, kích thước khuôn mặt của sinh viên dân tộc Kinh độ tuổi 18-25 tại trường Cao đẳng Y tế Hà Nội và Bình Dương. *Tạp chí Y học thực hành*, 10(1083), 33-37.
4. Nguyen Hoang Minh, Pham Hoang Tuan, **Hoang Thi Doi**, Nguyen Thi Thu Phuong, Le Van Son (2019). Effectiveness of orthognathic surgery and the suitability with vietnamese harmonious faces in class III malocclusion patients. *Journal of medical research*, 2(118E4), 43-54.

A. GIỚI THIỆU LUẬN ÁN ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngày nay, với tốc độ phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ nói chung và khoa học y học nói riêng, đòi hỏi y học Việt Nam phải cập nhật các giá trị sinh học người bình thường trong đó các chỉ số đánh giá nét đẹp khuôn mặt người Việt Nam trưởng thành là một nhu cầu cần thiết. Từ 1974 đến nay, ở Việt Nam, cũng đã có khá nhiều các nghiên cứu xác định các kích thước, chỉ số vùng sọ - mặt dựa trên nhiều phương pháp đo đạc khác nhau... Một số nghiên cứu cũng đã đưa ra được một số kết luận về đặc điểm khuôn mặt của một nhóm người Việt Nam nhưng vẫn là chưa đủ. Với một khuôn mặt được cho là “hài hoà” không chỉ phụ thuộc vào các những con số đo đạc một cách cứng nhắc mà còn phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố khác như: nguồn gốc dân tộc, nền văn hóa, môi trường xã hội, hoàn cảnh gia đình, trình độ học vấn, tuổi tác, thời đại đang sống, sự giao lưu văn hóa xã hội của cá nhân với xã hội và thế giới đặc biệt là sự cảm nhận của người đối diện với khuôn mặt đó.... Vì vậy, để xác định và đánh giá một khuôn mặt hài hòa, việc chỉ dựa vào đo đạc các chỉ số là chưa đủ. Thực tế hiện nay, tại Việt Nam, vẫn chưa có một tiêu chuẩn nào định hướng cho họ, giúp họ thay đổi để có được một gương mặt, mang đậm nét đặc trưng cho dân tộc Việt Nam. Ngày nay, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế, xã hội và sự du nhập, giao thoa của các quan điểm thẩm mỹ khác nhau trên thế giới, sức hấp dẫn của khuôn mặt vẫn luôn chịu sự tác động thường xuyên, liên tục. Liệu quan điểm về vẻ đẹp của khuôn mặt trước kia có bị thay đổi theo thời gian? Quan điểm của cộng đồng về vấn đề này như thế nào? Sự hài hòa vốn có của mỗi cá thể là một di sản văn hóa lớn góp phần tạo nên sức sống vật chất và tinh thần của mỗi quốc gia, mỗi dân tộc. Vì vậy, chúng ta không thể lấy tiêu chuẩn hình thái khuôn mặt của một dân tộc nào đó để áp dụng thành tiêu chuẩn cho người Việt Nam. Xuất phát từ những nhu cầu thực tiễn trên, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài này với 03 mục tiêu:

1. *Mô tả đặc điểm khuôn mặt hài hoà của người dân tộc Kinh độ tuổi 18 – 25 trên ảnh chuẩn hoá và phim sọ mặt từ xa theo ý kiến đánh giá của hội đồng chuyên môn.*
2. *Phân tích quan điểm khuôn mặt hài hoà của nhóm đối tượng nghiên cứu trên theo ý kiến của những người không chuyên môn.*
3. *Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá khuôn mặt hài hoà cho người dân tộc Kinh.*

TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI

Mô tả đặc điểm khuôn mặt hài hòa dựa trên các chỉ số đo đạc trên ảnh chuẩn hóa và phim xquang KTS để xây dựng một bảng tiêu chuẩn mang tính định lượng đại diện cho nhóm người trưởng thành dân tộc Kinh tại Việt Nam. Bên cạnh đó, sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính để tìm hiểu sâu, phân tích, làm rõ các quan điểm về khuôn mặt đẹp, khuôn mặt hài hòa của cộng đồng và của các chuyên gia trong các lĩnh vực có liên quan đến thẩm mỹ khuôn mặt trong xã hội Việt Nam hiện nay. Đây là cơ sở khoa học giúp xây dựng tiêu chuẩn đánh giá khuôn mặt hài hòa cho đối tượng thanh niên dân tộc Kinh độ tuổi 18 – 25 tại Việt Nam. Bảng tiêu chuẩn góp phần định hướng, giúp họ thay đổi để có được gương mặt hài hòa mang nét đặc trưng cho dân tộc Việt Nam.

Ý NGHĨA THỰC TIỄN VÀ ĐÓNG GÓP MỚI

1. Đây là nghiên cứu đầu tiên có sự kết hợp giữa nghiên cứu định lượng và nghiên cứu định tính nhằm mô tả cụ thể đặc điểm khuôn mặt hài hòa của nhóm người dân tộc Kinh độ tuổi 18 – 25 tại Việt Nam trên ảnh chuẩn hóa, trên Xquang kỹ thuật số và theo quan điểm của cộng đồng và các chuyên gia trong lĩnh vực thẩm mỹ. Đây cũng là nghiên cứu có cỡ mẫu đủ lớn mang tính đại diện cho nhóm người Kinh độ tuổi 18 – 25 tại Việt Nam.

2. Nghiên cứu đã làm rõ quan điểm của cộng đồng ngày nay về khuôn mặt đẹp và khuôn mặt hài hòa, những thuận lợi – khó khăn, ảnh hưởng của yếu tố phong thủy trên khuôn mặt tới quan điểm khuôn mặt hài hòa, nhu cầu phẫu thuật và xu hướng thẩm mỹ của xã hội Việt Nam hiện nay.

3. Nghiên cứu bước đầu đã xây dựng được bảng tiêu chuẩn chung cho một khuôn mặt hài hòa với các chỉ số đo thường được sử dụng trong đánh giá thẩm mỹ khuôn mặt. Bên cạnh đó là những quan điểm, xu hướng hiện nay về khuôn mặt được cho là hài hòa của xã hội Việt Nam theo từng nhóm lứa tuổi. Đây là nguồn tài liệu quý giúp cho các chuyên gia về phẫu thuật thẩm mỹ tham khảo đáp ứng trúng nhu cầu của khách hàng.

CẤU TRÚC LUẬN ÁN

Ngoài phần đặt vấn đề và kết luận, luận án gồm 4 chương: Chương 1: Tổng quan vấn đề nghiên cứu, 34 trang; Chương 2: Đối tượng và phương pháp nghiên cứu, 34 trang; Chương 3: Kết quả nghiên cứu, 38 trang; Chương 4: Bàn luận, 39 trang. Luận án có 26 bảng, 1 sơ đồ và 1 biểu đồ, 19 hình ảnh, 128 tài liệu tham khảo (68 tiếng Việt, 60 tiếng Anh).

B. NỘI DUNG LUẬN ÁN

Chương 1. TỔNG QUAN TÀI LIỆU

1.1. Khái niệm đẹp, hài hòa trong xã hội hiện nay

Đẹp (beautiful) luôn là một khái niệm rất khó để định nghĩa. William Shakespeare (1564 – 1616) đã từng cho rằng: “*vẻ đẹp tự nó sẽ thuyết phục đôi mắt của những người đàn ông mà không cần một nhà hùng biện nào*”; từ điển tiếng Anh: *vẻ đẹp là sự kết hợp của các phẩm chất, chẳng hạn như hình dạng, màu sắc hoặc hình thức, làm hài lòng các giác quan thẩm mỹ, đặc biệt là thị giác....* Nói như vậy để thấy rằng không thể xác định rõ ràng và chính xác “cái đẹp”.

Hài hòa (harmonious) là sự kết hợp cân đối giữa các yếu tố, các thành phần, gây được ấn tượng về cái đẹp, cái hoàn hảo. Theo Pythagore, hài hòa là sự thống nhất và hòa nhập của nhiều yếu tố khác nhau. Nhìn chung, quan điểm đẹp và hài hòa trong xã hội hiện nay còn chưa được cụ thể, rõ ràng và hiện nay cũng chưa có một nghiên cứu nào phân biệt, làm rõ ràng sự khác biệt giữa hai khái niệm này.

1.2. Một số quan niệm về thẩm mỹ khuôn mặt hiện nay

1.2.1. Quan niệm về thẩm mỹ khuôn mặt của người Châu Á: Phụ nữ phương Đông và phương Tây vốn có nhiều nét khác nhau về chuẩn mực về đẹp. Trải qua thời gian, chuẩn mực này cũng có những thay đổi nhất định. Với phụ nữ Nhật Bản, vẻ đẹp đến từ làn da trắng. Với người Trung Quốc, một gương mặt lý tưởng cho người phụ nữ đó là: khuôn mặt tròn, đôi môi với cung cupid được xác định rõ, tỷ lệ môi trên và dưới cân đối với điểm tựa về mặt y tế và thon dần về phía sau và chiếc cằm hẹp và nhẹ với đỉnh tròn. Một góc hàm không góc cạnh, sống mũi thẳng và khuôn mặt thẳng là những đặc điểm rất được ưa thích.

1.2.2. Quan niệm về thẩm mỹ khuôn mặt của người Châu Âu: Châu Âu là cái nôi của nghệ thuật và cái đẹp. Ở Pháp, cái đẹp được đề cao là cái đẹp tự nhiên, không qua dao kéo, không quá dựa dẫm vào trang điểm. Vì vậy, phụ nữ Pháp thường theo đuổi vẻ đẹp thanh nhã, quyến rũ nhưng không quá hào nhoáng, bắt mắt.

1.2.3. Quan niệm về thẩm mỹ khuôn mặt của người Châu Mỹ: Châu Mỹ, nhất là khu vực Nam Mỹ, là nơi sản sinh những nhan sắc hàng đầu thế giới và sự nóng bỏng là nét đặc trưng cho vẻ đẹp của phụ nữ nơi đây: một cơ thể khỏe mạnh với những đường cong gợi cảm, ánh mắt ma mị, bờ môi nũng nịu là những nét đặc trưng của một người đẹp châu Mỹ.

1.2.4. Quan niệm về thẩm mỹ khuôn mặt của người Châu Phi: Theo quan niệm của người Châu Phi, việc sở hữu một vóc dáng mình hạc xương mai không phải là tiêu chuẩn của cái đẹp ở châu lục này.

Commented [NTTH1]: Theo cô các mục nhỏ trong phần này em rút ngắn lại, bỏ ảnh cá nhân, vì ảnh vừa ko cóos giá trị, mà em cũng ko có ảnh ví dụ của cả 4 châu lục như em nhận xét ở dưới đây.

Commented [NTTH2]: Cả đoạn này cũng chưa có TLTK em a, mà có lẽ đưa đoạn đầu tiên mà cô nhận xét về quan điểm cái đẹp của châu Âu và châu Á xuống đây, tập trung một chỗ, rồi tìm TLTK đưa vào. TLTK có thể là nguồn flinternet, báo chí, em đưa vào nguồn tham khảo như ví dụ có bôi vàng

1.2.5. Quan niệm về thẩm mỹ khuôn mặt ở Việt Nam: Ở Việt Nam, qua mỗi giai đoạn của lịch sử, quan niệm về cái đẹp của người phụ nữ lại có những sự thay đổi nhất định. Một bài báo đưa tin: tổng số 8 sự khác biệt được đưa ra so sánh, có tới 5/8 điểm so sánh trên khuôn mặt. Nếu khi xưa chuẩn mực của phụ nữ Việt nằm ở dáng hình tròn trịa, khuôn mặt đầy đặn phúc hậu và nụ cười chúm chím thì ngày nay, cô gái nào sở hữu cằm V-line, nụ cười rộng mới được xem là đẹp...

1.3. Ảnh hưởng của sự tăng trưởng đến thẩm mỹ khuôn mặt

1.4. Các phương pháp nghiên cứu nhân trắc đầu mặt – thẩm mỹ

1.4.1. Đo trực tiếp: Đo trực tiếp trên lâm sàng cho chúng ta biết chính xác kích thước thật, các chỉ số trung thực. Tuy nhiên, phương pháp này mất nhiều thời gian và cần có nhiều kinh nghiệm để xác định các điểm chuẩn chính xác trên mô mềm.

1.4.2. Đo trên ảnh chụp chuẩn hoá: Đo trên ảnh chụp chuẩn hoá được thực hiện trên ảnh chụp chuẩn hoá tư thế thẳng và nghiêng. Đây là phương pháp được sử dụng phổ biến trong nhiều lĩnh vực khác nhau như nhân trắc, hình sự với ưu điểm: rẻ tiền và có thể giúp đánh giá tốt hơn về tương quan của các cấu trúc ngoài sọ gồm cơ và mô mềm. Phân tích thẩm mỹ khuôn mặt chủ yếu là quan sát trực tiếp và phân tích qua ảnh chuẩn hoá với đánh giá thẩm mỹ là đánh giá mô mềm. Hai phương pháp này có tác dụng bổ trợ cho nhau.

1.4.3. Đo trên phim X- quang: Phim XQ sọ nghiêng chụp theo kỹ thuật từ xa giúp chúng ta nghiên cứu những thay đổi do phát triển, giúp đánh giá cấu trúc mô xương và mô mềm khi chẩn đoán, lên kế hoạch điều trị, định hướng các thủ thuật điều trị chỉnh hình và phẫu thuật, và cuối cùng giúp theo dõi, đánh giá các kết quả điều trị.

1.4.4. Phân tích thẩm mỹ khuôn mặt trên phim xquang sọ mặt thẳng từ xa: Bên cạnh ứng dụng kinh điển để xác định các bất cân xứng về chiều ngang, phim sọ thẳng có giá trị cung cấp những thông tin liên quan về hình thái học như hình dạng, kích thước sọ mặt, mật độ của xương, hình thái học của các đường khớp trong quá trình tăng trưởng, phát triển.

1.4.5. Đo trên mẫu thạch cao cung răng

1.5. Một số nghiên cứu đặc điểm khuôn mặt trên thế giới, Việt Nam

1.5.1. Một số nghiên cứu trên thế giới: Trên thế giới, các nghiên cứu về đặc điểm của khuôn mặt đã xuất hiện từ khá sớm. Tuy nhiên, kết quả của những nghiên cứu này chỉ dừng lại ở một số những chỉ số rất cơ bản trên xương sọ và một số chỉ số về phần mềm vùng mặt. Hầu hết các nghiên cứu trên đã đem lại những kết quả đáng kể và được sử dụng trong phân tích khuôn mặt, kiểm định các số đo, đánh giá các chỉ số vùng mặt có sự

Formatted: Font: 11 pt, Bold, Italic, Font color: Auto, Vietnamese

so sánh giữa nam và nữ. Kết quả này đã đem lại giá trị đặc trưng cho từng dân tộc. Tuy nhiên, kết quả đo đạc của dân tộc này không thể mang áp dụng cho một dân tộc khác bởi sự khác nhau về quan điểm thẩm mỹ khuôn mặt ở mỗi mỗi dân tộc.

1.5.2. Một số nghiên cứu tại Việt Nam: Ở nước ta hiện nay chưa có nhiều công trình nghiên cứu về nhân trắc đầu mặt một cách có hệ thống, cỡ mẫu lớn, mang tính đại diện cho người Việt Nam để ứng dụng trong chẩn đoán và điều trị. Cho đến nay, vẫn chưa có một nghiên cứu nào đi sâu tìm hiểu, phân tích các quan niệm của người Việt Nam về thẩm mỹ khuôn mặt. Vì vậy, cần có các nghiên cứu mới bổ sung, để có thể xây dựng thành tiêu chuẩn đánh giá khuôn mặt hài hòa mang tính đại diện, đặc trưng cho người Việt Nam.

Chương 2

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

2.1.1. Địa điểm nghiên cứu: Hà Nội và Bình Dương.

2.1.2. Thời gian nghiên cứu: Thu thập số liệu định lượng: tại Bình Dương từ tháng 9/2017 đến tháng 10/2017; tại Hà Nội từ tháng 01 năm 2018 đến tháng 06 năm 2018. Thu thập số liệu định tính: tại Bình Dương tháng 9/2017; tại Hà Nội: tháng 06/2018.

2.2. Đối tượng nghiên cứu

- *Nghiên cứu định lượng:* Nam, nữ độ tuổi từ 18 – 25, dân tộc Kinh.

- *Nghiên cứu định tính:* Nam, nữ độ tuổi từ 18 – 25 được chọn ra từ nhóm đối tượng tham gia trong nghiên cứu định lượng; nam, nữ độ tuổi ≥ 18 tuổi đang sinh sống, học tập và làm việc tại thủ đô Hà Nội và thành phố Thủ Dầu Một tỉnh Bình Dương; nhóm chuyên gia trong lĩnh vực thẩm mỹ khuôn mặt: BS răng hàm mặt, BS chỉnh nha, BS giải phẫu nhân trắc học.

a. Tiêu chuẩn lựa chọn:

- *Nghiên cứu định lượng:* Có bố mẹ đẻ, ông bà nội ngoại là người dân tộc Kinh, khỏe mạnh, không mắc dị tật bẩm sinh, chấn thương vùng hàm mặt, phẫu thuật thẩm mỹ, nắn chỉnh răng; có BMI trong giới hạn bình thường; sống tại Hà Nội và Bình Dương, tự nguyện tham gia nghiên cứu.

- *Nghiên cứu định tính:* là những nam, nữ độ tuổi từ 18 – 25: là những sinh viên đã được chọn vào nghiên cứu định lượng, đang sinh sống, học tập tại Hà Nội và Bình Dương, có đủ điều kiện cung cấp thông tin cho nghiên cứu, tự nguyện tham gia ; nam, nữ độ tuổi ≥ 25 : là những sinh

viên, cán bộ, giảng viên đang học tập công tác tại hai điểm nghiên cứu là trường ĐYT Hà Nội và ĐYT Bình Dương; nhóm chuyên gia trong lĩnh vực thẩm mỹ khuôn mặt với thâm niên nghề ≥ 10 năm; có đủ điều kiện và thời gian cung cấp thông tin; đồng ý tham gia nghiên cứu.

b. Tiêu chuẩn loại trừ:

- *Nghiên cứu định lượng:* đang mắc bệnh lý toàn thân cấp tính tại thời điểm thu thập số liệu; các trường hợp dị ứng, mê say ảnh hưởng tới khuôn mặt và toàn thân tại thời điểm thu thập số liệu; đã can thiệp xâm lấn, phẫu thuật, dùng thuốc... đang mắc các bệnh lý kết giác mạc, nhiễm siêu vi (Herpes) có tổn thương trên khuôn mặt; các đối tượng đang có tâm lý không tốt, không hợp tác; không thích chụp ảnh; có chống chỉ định chụp xquang.

- *Nghiên cứu định tính:* đối tượng không có khả năng trả lời câu hỏi do bệnh lý tâm thần, hoặc bệnh lý khác có liên quan; đối tượng bỏ cuộc giữa chừng; đối tượng có tâm lý không tốt; không hợp tác.

2.3. Thiết kế nghiên cứu: nghiên cứu sử dụng kết hợp phương pháp nghiên cứu định lượng và định tính.

Nghiên cứu định lượng: Nghiên cứu sử dụng thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang 900 đối tượng sinh viên người dân tộc Kinh, độ tuổi 18 – 25 thông qua đo đạc 900 bộ ảnh thẳng nghiêng chuẩn hóa và 407 bộ phim xquang sọ thẳng nghiêng của nhóm đối tượng được xếp vào nhóm có khuôn mặt hài hòa.

Nghiên cứu định tính: nghiên cứu định tính được tiến hành dựa trên các cuộc thảo luận nhóm các nhóm đối tượng không chuyên môn và phỏng vấn sâu nhóm có chuyên môn nhằm mục đích tìm hiểu sâu hơn về quan điểm của các chuyên gia và người dân về quan điểm khuôn mặt đẹp và khuôn mặt hài hòa.

2.4. Chọn mẫu nghiên cứu

2.4.1. Cỡ mẫu

a. Cỡ mẫu cho nghiên cứu định lượng:

Áp dụng công thức ước tính cỡ mẫu theo một tỷ lệ của nghiên cứu mô tả, cắt ngang:

$$n = Z^2_{(1-\alpha/2)} \frac{p \cdot (1-p)}{d^2}$$

Trong đó : n : Cỡ mẫu tối thiểu; $Z^2_{(1-\alpha/2)}$: Với độ tin cậy 95% thì $Z_{(1-\alpha/2)} = 1,96$; p: Tỷ lệ trung bình khuôn mặt hài hòa. Theo nghiên cứu của tác giả Võ Trương Như Ngọc (2010) là 0,43; $q = 1 - p = 0,57$; d: Độ chính xác mong muốn, chọn $d = 0,05$.

Thay vào công thức ta có: $n = 376,63$. Chúng tôi làm tròn $n = 400$ người. Để tránh mất nguồn số liệu, chúng tôi tăng cỡ mẫu lên 10%. Vậy cỡ mẫu cho mỗi tỉnh là $n = 440$ (người). Làm tròn: $n = 450$ người. Cỡ mẫu được chọn ở 2 khu vực là Hà Nội và Bình Dương: $450 \times 2 = 900$ (người).

b. Cỡ mẫu cho nghiên cứu định tính

Cỡ mẫu cho nghiên cứu định tính là 88 đối tượng (nhóm không chuyên môn) cho 12 cuộc thảo luận nhóm (tại Hà Nội: 6 nhóm; tại Bình Dương: 6 nhóm) trong đó có 63 đối tượng được chọn ngẫu nhiên từ các trường Đại học, cao đẳng và các cơ sở Y tế, giáo dục tại Hà Nội và Bình Dương và 25 đối tượng được chọn chủ đích trong 900 đối tượng của nghiên cứu định lượng. Bên cạnh đó là 5 đối tượng (nhóm chuyên môn) cho phỏng vấn sâu.

2.4.2. Quy trình chọn mẫu

Chọn chủ đích 2 khu vực là thành phố Hà Nội và thành phố Thủ đầu một tỉnh Bình Dương. Tại mỗi khu vực, chúng tôi lựa chọn ngẫu nhiên các trường Đại học, Cao đẳng có số lượng lớn là sinh viên dân tộc Kinh, trong độ tuổi 18 – 25 gồm 5 điểm trường. Viện Đào tạo Răng hàm mặt gửi công văn đến các điểm trường trước thời điểm thu thập số liệu. Đoàn thanh niên phối hợp với giáo viên chủ nhiệm các lớp lập danh sách tất cả những sinh viên tham gia cho tới khi đủ số lượng mẫu nghiên cứu.

Điều tra viên dựa vào danh sách sinh viên của các điểm trường, lập danh sách mới các đối tượng nghiên cứu theo từng điểm trường và gán cho mỗi sinh viên một mã số. Mã số này sẽ được dùng trong phiếu điều tra; mã hóa ảnh chụp; mã hóa phim xquang. Với nhóm chuyên gia, chúng tôi tiến hành lập danh sách các chuyên gia đang hoạt động trong các lĩnh vực: Giải phẫu – nhân trắc, chỉnh nha, răng hàm mặt tại Hà Nội. Sau đó chúng tôi tiến hành liên hệ. Những chuyên gia đồng ý tham gia nghiên cứu, chúng tôi sẽ hẹn thời gian và địa điểm thích hợp để mời chuyên gia đến và tiến hành thu thập số liệu định tính.

2.5. Quy trình thu thập thông tin

2.5.1. Nghiên cứu định lượng

a. Giai đoạn 1: Từ danh sách đối tượng nghiên cứu các điểm trường gửi về, tiến hành mã hóa đối tượng nghiên cứu. Tập huấn cho các nghiên cứu viên kỹ thuật chụp ảnh chuẩn hóa, chụp phim xquang sọ, đánh giá ảnh tiêu chuẩn, phim tiêu chuẩn, chuẩn hóa ảnh, đo ảnh và phim xquang bằng phần mềm Vnceph. Lập danh sách Hội đồng chuyên gia chăm ảnh hài hòa, gửi giấy mời tập huấn chăm ảnh đảm bảo tính thống nhất cao trong quá trình chăm ảnh, dựa vào kết quả chỉ số Kappa.

b. Giai đoạn 2: - Dựa vào danh sách đã mã hóa, tiến hành gọi từng đối tượng nghiên cứu vào thăm khám lâm sàng, điền thông tin vào phiếu Điều tra. Những đối tượng thỏa mãn các tiêu chuẩn chọn sẽ được vào khu vực chụp ảnh chuẩn hóa (thẳng, nghiêng) và nhận phiếu hẹn chụp phim Xquang (thẳng, nghiêng).

- Các ảnh được tập hợp lại theo thứ tự mã số của từng điểm trường, được đổi tên ảnh theo mã số; các ảnh đạt tiêu chuẩn của ảnh chuẩn hóa. Từ số ảnh đó chọn ngẫu nhiên ra 900 đối tượng để chuẩn hóa ảnh đen trắng và làm thành videoclip.

- Thành lập Hội đồng chuyên gia chấm ảnh hài hòa gồm 20 người, gửi Videoclip và phiếu chấm điểm KMH (phụ lục 3) đến từng thành viên hội đồng để chấm ảnh và nhận lại kết quả chấm ngay trong ngày.

- Kết quả của Hội đồng chấm ảnh hài hòa đã chọn ra được 407 đối tượng có điểm ảnh đạt từ 3 điểm trở lên. Tiến hành lập danh sách 407 đối tượng này, liên hệ để chụp phim xquang KTS.

- Tất cả ảnh (900 đối tượng) và phim xquang KTS (407 đối tượng hài hòa) sẽ được mã hóa, chuẩn hóa ảnh và chuyển vào phần mềm Vnceph để đo đạc các kích thước.

- Xử lý và phân tích số liệu bằng phần mềm SPSS16.0.

2.5.2. Nghiên cứu định tính

- Xây dựng bản hướng dẫn thảo luận nhóm, phỏng vấn sâu.

- Sau khi lựa chọn ngẫu nhiên được 25 đối tượng từ mẫu định lượng, 63 đối tượng chọn ngẫu nhiên trong quá trình đến các điểm nghiên cứu để thu thập số liệu định lượng với tổng số đối tượng cho thảo luận nhóm là 88 đối tượng ở cả 3 nhóm tuổi (18-25; 25-45, ≥45 tuổi) và 05 chuyên gia đồng ý tham gia phỏng vấn sâu, nghiên cứu sinh lập danh sách tổng số 93 đối tượng, sau đó gọi điện xin phép và sắp xếp lịch cho các buổi thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu. Trong số 93 đối tượng, không có ai từ chối tham gia nghiên cứu. Liên tục phân tích số liệu định tính trong quá trình nghiên cứu để đưa ra các vấn đề mới để tiếp tục tiến hành khai thác thông tin cho đến khi thông tin được bão hòa.

2.6. Công cụ thu thập thông tin

2.7. Xử lý và phân tích số liệu

2.7.1. Nghiên cứu định lượng: Đo kích thước, chỉ số trên ảnh chuẩn hóa và trên phim xquang KTS bằng phần mềm VnCeph.

2.7.2. **Nghiên cứu định tính:** Sau mỗi ngày phỏng vấn tại các điểm nghiên cứu, nghiên cứu sinh đã ghi lại các thông tin cần lưu ý của từng nhóm thảo luận, từng ca phỏng vấn sâu vào bản nhật ký thực địa, bao gồm cả thông tin bằng lời và những quan sát khác. Các dữ liệu được tổng hợp và giải thích bằng cách áp dụng chiến lược phân tích nội dung. Các cuộc thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu được ghi âm bằng máy ghi âm. Sau đó các file ghi âm này được gỡ ra và đánh máy vào file word.

2.8. Sai số và cách khống chế sai số

2.8.1. Nghiên cứu định lượng:

2.8.2. **Nghiên cứu định tính:** luôn bám sát mục tiêu nghiên cứu; trong quá trình thảo luận nhóm, phỏng vấn sâu luôn đảm bảo có 3 người đi thu thập và là những người kinh nghiệm; ghi âm và ghi chép cẩn thận các thông tin đối tượng cung cấp; mô tả chân thực số liệu trong suốt quá trình phiên giải số liệu.

2.9. Vấn đề đạo đức trong nghiên cứu

Nghiên cứu đã được Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu Y sinh học của trường Đại học Y Hà Nội phê duyệt.

Chương 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu: tỉ lệ nam giới (37.67%) thấp hơn nữ (62.33%). Đối tượng trong độ tuổi 18 chiếm tỷ lệ cao nhất (30.55%). Phần lớn đối tượng sống tại Hà Nội, chiếm tỷ lệ 66.67%; Đối tượng có trình độ học vấn cao đẳng là chủ yếu, chiếm tỷ lệ 88.67%. Ở nhóm đối tượng nghiên cứu định tính, đối tượng có độ tuổi > 45 chiếm tỷ lệ cao nhất (39.79%). Phần lớn đối tượng tham gia là nữ chiếm tỷ lệ 60.21%; Số đối tượng sinh sống tại Hà Nội chiếm tỷ lệ cao hơn (52.69%); đa số có trình độ cao đẳng (65.59%). Trình độ học vấn sau đại học chỉ có 5 người chiếm 5.38%.

Biểu đồ 3.1. Cơ cấu đối tượng nghiên cứu theo giới (n=900)

Formatted: Justified, Right: 0 cm, Line spacing: Multiple 1.2 li, Tab stops: 0.79 cm, Left

Formatted: Font: 11 pt

Formatted: Justified, Right: 0 cm, Line spacing: Multiple 1.2 li

Formatted: Normal, Justified, Line spacing: Multiple 1.2 li

3.2. Đặc điểm khuôn mặt hài hòa của người dân tộc Kinh độ tuổi 18 – 25 trên ảnh chuẩn hóa và phim sọ mặt từ xa theo ý kiến đánh giá của hội đồng chuyên môn

3.2.1. Đặc điểm khuôn mặt hài hòa của người dân tộc Kinh độ tuổi 18 – 25 trên ảnh chuẩn hóa thẳng nghiêng

Bảng 3.4. Cơ cấu đối tượng có khuôn mặt hài hòa theo giới

Giới	Hài hòa (n=407)		Không hài hòa (n=493)		Chung (n=900)		p
	SL	%	SL	%	SL	%	
Nam	148	43,7	191	56,3	339	100,0	0,464*
Nữ	259	46,2	302	53,8	561	100,0	
Tổng	407	45,2	493	54,8	900	100,0	

Tỉ lệ có khuôn mặt hài hòa (45,2%) thấp hơn nhóm không hài hòa (54,8%), tỉ lệ hài hòa ở nữ (46,2%) cao hơn nam (43,7%), (p>0,05).

Bảng 3.5. Phân bố hình dạng mặt giữa nhóm hài hòa và không hài hòa (n= 900)

Khuôn mặt hài hòa	Khuôn mặt hình Vuông		Khuôn mặt hình Oval		Khuôn mặt hình tam giác		p
	SL	%	SL	%	SL	%	
Có HH	105	25,8	271	66,6	31	7,6	0,274*
Không HH	122	24,8	318	64,5	53	10,7	>0,05
Tổng	227	25,2	589	65,5	84	9,3	

Nhóm có khuôn mặt hài hòa hay gặp khuôn mặt hình vuông và hình oval hơn nhóm không có khuôn mặt hài hòa, nhóm không có khuôn mặt hài hòa hay gặp hình tam giác hơn nhóm có khuôn mặt hài hòa (p>0,05).

Bảng 3.7. Giá trị trung bình các kích thước, góc, tỷ lệ, chỉ số giữa nhóm hài hòa và không hài hòa đo trên ảnh chuẩn hóa (n = 900)

STT	Kí hiệu	Nhóm hài hòa (n=407)		Nhóm không hài hòa (n=493)		p
		\bar{X}	SD	\bar{X}	SD	
Các kích thước ngang (mm)						
1	zy-zy	144,53	7,29	144,33	7,70	0,679**
2	go-go	123,81	8,65	123,89	8,86	0,9756**
3	al-al	42,01	3,47	41,77	3,59	0,316*
4	en-en	37,49	3,10	37,85	3,20	0,0834*
5	en-ex	34,56	2,94	34,28	3,00	0,0406**

STT	Kí hiệu	Nhóm hài hòa (n=407)		Nhóm không hài hòa (n=493)		p
		\bar{X}	SD	\bar{X}	SD	
<i>Các kích thước dọc (mm)</i>						
1	tr-n	76,55	7,31	77,64	7,01	0,0238*
2	n-sn	50,05	4,01	50,01	4,14	0,8825*
3	gl-sn	62,88	6,66	62,79	6,85	0,5054**
4	tr-gn	184,39	10,42	186,29	11,51	0,0066**
5	sn-gn	61,95	5,04	64,04	5,19	<0,001*
6	tr-gl	58,92	7,26	60,07	7,51	0,0281**
7	n-gn	112,66	6,94	113,55	7,28	0,0694**
<i>Khoảng cách từ môi đến các đường thâm mỹ (mm)</i>						
1	li-E	1,41	2,36	2,10	2,36	<0,001**
2	ls-E	0,50	2,22	2,40	2,45	<0,001*
3	li-S	2,16	2,53	3,55	2,39	<0,001*
4	ls-S	1,51	2,28	2,59	2,24	<0,001*
<i>Các tỷ lệ</i>						
1	al-al/en-en	1,13	0,10	1,11	0,10	0,0309**
2	en-en/en-ex	1,09	0,13	1,11	0,14	0,021*
3	ch-ch/al-al	1,20	0,10	1,20	0,10	0,8725**
4	al-al/zy-zy	0,29	0,02	0,29	0,02	0,42*
5	al-ch/ch-pp	1,98	10,65	0,35	7,78	0,7536**
6	sa-sba/n-sn	1,14	0,11	1,15	0,12	0,6709**
7	tr-gl/gl-sn	0,95	0,17	0,97	0,18	0,2027**
8	gl-sn/sn-gn	1,02	0,12	0,98	0,11	<0,001**
9	n-sn/n-gn	0,44	0,03	0,44	0,03	0,0968**
<i>Các góc nghiêng (°)</i>						
1	cm-sn-ls	93,38	13,32	91,72	12,67	0,0568*
2	sn-ls/li-pg	144,10	11,62	138,99	14,13	<0,001*
3	pn-n-pg	28,32	3,34	27,05	3,22	<0,001**
4	pn-n-sn	20,13	2,53	19,90	2,21	0,3209**
5	sn-pn-n	104,29	6,98	106,21	6,62	<0,001*
6	li-b-pg	134,32	14,47	136,53	14,67	0,0235*
7	gl-n-pn	134,72	6,53	134,64	7,09	0,8634**
8	gl-sn-pg	169,61	5,03	170,47	5,54	0,0067**
9	n-sn-pg	165,08	5,39	162,50	5,64	<0,001**
10	n-pn-pg	134,56	4,85	136,75	5,24	<0,001**

Các khoảng cách trung bình từ môi đến các đường thẩm mỹ có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa nhóm hài hòa và không hài hòa. Hầu hết các tỷ lệ trung bình không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa nhóm hài hòa và không hài hòa (trừ al-al/en-en, en-en/en-ex và gl-sn/sn-gn). Hầu hết các góc nghiêng trung bình có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa nhóm hài hòa và không hài hòa (trừ cm-sn-ls, pn-n-sn, gl-n-pn).

3.2.2. Đặc điểm 6 chuẩn tâm cổ điển ở nhóm đối tượng có khuôn mặt hài hòa, dân tộc Kinh độ tuổi 18 – 25:

Bảng 3.11. Đặc điểm giống nhau, tương đồng, khác nhau theo chuẩn tâm cổ điển ở nhóm đối tượng có khuôn mặt hài hòa (n=407)

TT	Chuẩn tâm cổ điển	Nhóm	Giống nhau		Tương đồng		Khác nhau		p
			n	%	n	%	n	%	
1	al-al = en-en	Nam hài hòa	1	0,7	14	9,5	133	89,9	0,006*
		Nữ hài hòa	12	4,6	45	17,4	202	78,0	
2	en-en = en-ex	Nam hài hòa	3	2,0	32	21,6	113	76,4	0,201*
		Nữ hài hòa	14	5,4	62	23,9	183	70,7	
3	tr-gl = gl-sn	Nam hài hòa	1	0,7	15	10,1	132	89,2	0,65**
		Nữ hài hòa	5	1,9	28	10,8	226	87,3	
4	gl-sn = sn-gn	Nam hài hòa	2	1,4	32	21,6	114	77,0	0,514*
		Nữ hài hòa	8	3,1	51	19,7	200	77,2	

Theo tiêu chuẩn tâm cổ điển, mức độ “khác nhau” chiếm tỷ lệ cao nhất ở cả nam và nữ HH (trên 70%); mức độ “giống nhau” chiếm tỷ lệ thấp (<5,0%).

3.2.3. Đặc điểm khuôn mặt hài hòa của người dân tộc Kinh độ tuổi 18 – 25 trên phim sọ mặt từ xa theo ý kiến của hội đồng chuyên môn:

Bảng 3.14. Giá trị trung bình các kích thước, góc, tỷ lệ, chỉ số của nhóm có khuôn mặt hài hòa đo trên phim xquang sọ nghiêng (n=407)

STT	Kí hiệu	Nam hài hòa (n=148)		Nữ hài hòa (n=259)		p
		\bar{X}	SD	\bar{X}	SD	
Các khoảng cách (mm)						
1	N-ANS	53,41	3,73	54,46	3,47	0,0177**
2	ANS-Me	60,66	5,69	57,21	4,99	<0,001*
3	N-Me	115,10	7,30	112,15	6,38	<0,001*
4	GI-ANS	61,90	4,26	56,91	4,27	<0,001*
5	I-NA	5,07	2,26	4,93	2,31	0,6595**
6	i-NB	6,25	2,18	6,16	2,09	0,6982*
Các tỷ lệ						
1	GI-ANS/ANS-Me	1,03	0,12	1,00	0,11	0,0114**
2	N-ANS/N-Me	0,46	0,03	0,49	0,03	<0,001**
Khoảng cách từ môi đến các đường thẩm mỹ (mm)						
1	Li-E	1,77	2,37	1,37	2,08	0,1618**
2	Ls-E	0,44	2,34	-0,21	1,87	0,0021*
3	Li-S	2,99	2,28	2,47	2,02	0,0173*
4	Ls-S	2,36	2,52	1,79	1,73	0,0174**
Tương quan giữa 2 xương hàm (°)						
1	SNA	84,33	4,42	83,93	3,75	0,5398**
2	SNB	80,98	4,36	80,61	3,82	0,3641**
3	ANB	3,34	2,22	3,32	2,28	0,7412**
4	N-Sn-Pg	161,28	6,03	162,85	5,49	0,01**
5	F/N-Pg	88,53	3,53	89,76	3,33	<0,001**
6	FMIA	58,05	7,69	58,82	7,35	0,3194*

STT	Kí hiệu	Nam hài hòa (n=148)		Nữ hài hòa (n=259)		p
		\bar{X}	SD	\bar{X}	SD	
Tương quan răng – xương (°)						
1	i/MP	96,79	6,86	95,09	6,96	0,017*
2	I/Pal	122,14	6,85	121,80	7,20	0,5174**
Tương quan răng – răng (°)						
1	I/i	119,53	9,34	122,35	10,90	0,0086*
Các góc mô mềm (°)						
1	Sn-Ls-Li-Pg'	141,01	10,51	140,82	10,87	0,8639*
2	Pn-N'-Pg'	27,46	3,60	26,20	3,57	0,0007*
3	Li-B'-Pg'	132,39	12,89	130,28	15,17	0,0787**
4	Cm-Sn-Ls	93,53	13,69	94,75	12,20	0,1435**
5	Pn-N-Sn	19,22	2,77	19,14	2,24	0,7045**
6	N-Pn-Pg	134,92	5,96	135,82	5,00	0,0216**
7	Góc Z	74,06	6,73	76,62	5,56	<0,001**

Hầu hết các khoảng cách trung bình có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa nam HH và nữ HH, chỉ trừ I-NA và i-NB. Khoảng cách trung bình từ môi đến các đường thẩm mỹ có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa nam HH và nữ HH, chỉ trừ Li-E. Giá trị trung bình tương quan xương 2 hàm không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa nam HH và nữ HH (trừ N-Sn-Pg và F/N-Pg). Giá trị trung bình của i/MP có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa nam HH và nữ HH. Các góc mô mềm không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê, trừ góc Pn-N'-Pg', N-Pn-Pg và góc Z.

3.3. Quan điểm khuôn mặt hài hòa của nhóm đối tượng nghiên cứu trên theo ý kiến của những người không chuyên môn

3.3.1. Quan điểm của nhóm không chuyên môn

3.3.1.1. Quan điểm về khuôn mặt đẹp, khuôn mặt hài hòa

Khi được hỏi quan điểm như thế nào là một khuôn mặt đẹp? khuôn mặt hài hòa? phần lớn các câu trả lời của nhóm người không chuyên môn có ít những điểm chung, quan điểm khá khác nhau, mang đậm nét cảm

Commented [NTTH3]: Phần này có sửa rất nhiều trước khi em bảo về rồi, nên khá ổn, có ko sửa nữa.

tính cá nhân, hầu hết đều chưa phân biệt rạch ròi giữa “đẹp” và “hài hòa”. Như một sinh viên nam nói:

“Theo quan điểm của em là mặt mũi sáng sủa, không mụn, trắng trẻo. Sáng sủa là đầu tóc gọn gàng. Bạn gái trong mơ của em tiêu chuẩn là ưa nhìn, tóc dài” (nam, 19 tuổi).

“Khuôn mặt hơi góc cạnh xù, đôi mắt có chiều sâu, mới ra dáng đàn ông” (nam, 21 tuổi)

Một số ý kiến cho rằng, “đẹp” và “hài hòa” được thể hiện qua tính cách, phẩm chất của người đó hay có liên quan đến các chi tiết phụ khác mà không đơn thuần chỉ là các nét chính vẫn thường được đánh giá trên khuôn mặt:

“Em thích những cô gái hiền lành, mặt nhẹ nhàng, răng khểnh, hay cười, mái tóc ngang vai, thích nam có râu trông nam tính hơn” (Nam, 23 tuổi)

Đối với thể hệ trung niên, độ tuổi >45, quan niệm về vẻ đẹp, sự quyến rũ của khuôn mặt cũng khác nhau. Một số ý kiến cho rằng họ không quá quan tâm đến một khuôn mặt, mà họ quan trọng con người đó như thế nào, họ sẽ để ý đến ánh mắt, nụ cười để cảm nhận xem rằng người đó có “tốt tính” hay không như ý kiến của một chị:

“Nếu mà nam thì theo ý kiến riêng của chị thì mặt chữ điền, trán cao, mắt sáng, mũi cao, cánh mũi đừng bị quá, đừng nhỏ quá, vậy thôi” (Nữ, 45 tuổi)

Với độ tuổi này, khuôn mặt cũng quan trọng nhưng không phản ánh được tất cả. Đa số những người độ tuổi trung niên họ thích những khuôn mặt có vẻ đẹp “truyền thống”: đó là một khuôn mặt tròn, phúc hậu đối với nữ và một khuôn mặt “chữ điền” đối với nam. Họ cho rằng những người có khuôn mặt như vậy là những người tử tế, hiền lành, tốt bụng...

“Khuôn mặt đẹp với phụ nữ là không dài quá, hơi gọn xù, không tròn không dài, cặp mắt nói chung to, đen, rồi mũi miệng cân đối. Với nam, nói chung thì một khuôn mặt đẹp thì phải có nam tính, mặt vuông chữ điền, mắt to sáng, chân mày phải dài, đậm” (Nam, 55 tuổi)

Quan điểm này thì trái ngược hẳn với lớp thanh niên trẻ hiện nay, các bạn trẻ có xu hướng thích những khuôn mặt được cho là “mốt” tùy vào từng thời kỳ: ví dụ như, các bạn có thể thích một khuôn mặt V-line (giống với những diễn viên, ca sỹ Hàn Quốc), hay những khuôn mặt thật góc cạnh như những diễn viên nổi tiếng ở các nước phương Tây. Nhìn chung, quan điểm về khuôn mặt đẹp, khuôn mặt hài hòa ở nhóm đối tượng không chuyên môn trong xã hội khá đa dạng, mang đậm nét quan điểm, sở thích cá nhân.

3.3.2. Quan điểm của nhóm chuyên môn

3.3.2.2. *Đẹp có phải là hài hòa? – nhìn từ góc độ của nhóm chuyên môn*

Khi được hỏi về vấn đề này, 100% các chuyên gia đều cho rằng đẹp không phải là hài hòa: “Theo tôi, khuôn mặt đẹp thì nó phải đẹp hơn khuôn mặt hài hòa, vì khuôn mặt hài hòa là chỉ tính tương đối một số chỉ số mặt thẳng, mặt nghiêng” (nữ, 45 tuổi, bác sĩ nắn chỉnh răng).

“Gương mặt hài hòa là gương mặt có các số đo gần với trung bình cộng thì cái đó gọi là gương mặt hài hòa. Còn gương mặt hài hòa chưa chắc đã là gương mặt đẹp và chưa chắc đã là ưu nhìn. Đẹp và ưu nhìn phụ thuộc rất nhiều vào cảm nhận của người nhìn” (nữ, 65 tuổi, chuyên gia giải phẫu nhân trắc học). Các chuyên gia khẳng định: “đẹp” và “hài hòa” là hai khái niệm khác nhau. Một khuôn mặt đẹp phải hội tụ đủ hai yếu tố: hài hòa (cân đối và tỷ lệ về các số đo), thỏa mãn được yếu tố cảm quan của người nhìn.

3.3.2.3. *Quan điểm về xu hướng thẩm mỹ khuôn mặt hiện nay – nhìn từ góc độ chuyên môn*

3.3.2.4. *Quan điểm về phẫu thuật thẩm mỹ – nhìn từ góc độ của nhóm chuyên môn*

Nếu như xã hội khá dễ dàng chấp nhận PTTM để được đẹp hơn, hài hòa hơn thì kết quả phỏng vấn sâu các chuyên gia về vấn đề này có phần khác biệt. Theo ý kiến của một bác sĩ trẻ: “Em không thích con gái PTTM, em thích tự nhiên hơn. Nhưng nếu tệ quá và ảnh hưởng đến cuộc sống và xã hội thì nên PTTM. Còn nếu không thì thôi. Đối với nam giới, em thích sự chín chu không xuề xòa” (nam, 25 tuổi, Bs RHM). Với chuyên gia giải phẫu nhân trắc học, Cô cho rằng về đẹp tự nhiên có giá trị riêng của nó: “Với Cô, Cô tán thành về đẹp tự nhiên, không can thiệp thẩm mỹ. PTTM có nên hay không? Là quyền lợi của người phụ nữ còn làm đẹp đến đâu câu cần nhắc. Không nên dùng PTTM làm thay đổi hẳn khuôn mặt của mình. Về đẹp tự nhiên có giá trị riêng của nó?” (nữ, 65 tuổi, Chuyên gia giải phẫu nhân trắc học). Như vậy, theo quan điểm của các chuyên gia, trước tiên họ vẫn đề cao về đẹp tự nhiên vốn có mà tạo hóa ban tặng cho mỗi con người bởi “Không có người phụ nữ xấu, chỉ có người phụ nữ không biết làm đẹp” mà thôi. PTTM chỉ đặt ra để giúp “người xấu đỡ xấu hơn và người đẹp thì đẹp lên” mà vẫn đảm bảo được các tiêu chí như thỏa mãn nhu cầu người bệnh, đảm bảo chức năng cũng như thẩm mỹ, và quan trọng nhất là vẫn giữ gìn được bản sắc dân tộc của người Việt Nam.

Chương 4. BÀN LUẬN

4.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Trong số 900 đối tượng nghiên cứu, tỷ lệ đối tượng nghiêng cứu là nam (37,67%), thấp hơn nữ (62,33%), phù hợp với cấu giới tính chung

của điểm trường. Độ tuổi 18 chiếm tỷ lệ cao nhất (30,55%). Phần lớn đối tượng sống tại Hà Nội, chiếm tỷ lệ 66,67%; Đối tượng có trình học vấn cao đẳng là chủ yếu, chiếm tỷ lệ 88,67%. Đối tượng nghiên cứu định tính có độ tuổi > 45 chiếm tỷ lệ 39,79%, chủ yếu là nữ chiếm tỷ lệ 60,21% và sinh sống chủ yếu tại Hà Nội (52,69. Trình độ học vấn sau đại học chỉ có 5 người chiếm 5,38%.

4.2. Đặc điểm khuôn mặt hài hòa của người dân tộc Kinh độ tuổi 18 – 25 trên ảnh chuẩn hoá và phim sọ mặt từ xa theo ý kiến đánh giá của hội đồng chuyên môn

4.2.2. Đặc điểm hình thái, kích thước khuôn mặt hài hòa của người dân tộc Kinh độ tuổi 18 – 25 trên ảnh chuẩn hoá theo ý kiến đánh giá của hội đồng chuyên môn (n=407)

Kết quả cho thấy tỷ lệ hài hòa chung là 45,20%. Xét tỷ lệ hài hòa theo giới, tỷ lệ hài hòa (nam hài hòa 43,7%; nữ hài hòa 46,2%) đều thấp hơn so với nhóm không hài hòa, tương đồng với Võ Trương Như Ngọc (2010). Ở nhóm có khuôn mặt hài hòa: mặt hình oval: 66,58%, khuôn mặt hình tam giác: 7,62%. So sánh với một số tác giả khác trên thế giới và trong nước, chúng tôi thấy có sự tương đồng về tỷ lệ. Như vậy, tiêu chí đầu tiên của một khuôn mặt hài hòa là có dạng mặt hình oval.

Theo tiêu chuẩn tân cổ điển, ở cả nam hài hòa và nữ hài hòa có rất ít trường hợp hài hòa mà đạt được tiêu chí ba tầng mặt bằng nhau (chiếm tỷ lệ thấp 6%). Kết quả này tương đồng với Võ Trương Như Ngọc, Trần Tuấn Anh; cao hơn so với kết quả nghiên cứu của các tác giả người nước ngoài trên người châu Âu. Khi so sánh các tiêu chuẩn khác của tiêu chuẩn tân cổ điển, kết quả phần lớn là khác 1, chủ yếu là khác nhau quá 2mm. tỷ lệ giống nhau rất thấp. Giá trị khoảng cách từ môi trên (ls) và môi dưới (li) đến các đường thẩm mỹ E, S ở nhóm hài hòa nhỏ hơn nhóm không hài hòa. Theo đó, vị trí hai môi ở nhóm có KMHH ở gần với đường thẩm mỹ E, S hơn là nhóm không có KMHH. Để so sánh và đánh giá độ nhô của khuôn mặt khi nhìn nghiêng qua ảnh chuẩn hóa, chúng tôi xem xét giá trị của góc lồi mặt và góc lồi mặt qua mũi: góc lồi mặt (n-sn-pg) ở nhóm hài hòa là $165,08 \pm 5,39^\circ$ lớn hơn nhóm không hài hòa $162,50 \pm 5,64^\circ$. Góc lồi mặt qua mũi (n-pn-pg) ở nhóm hài hòa là $134,56 \pm 4,85^\circ$ cũng nhỏ hơn nhóm không hài hòa ($136,75 \pm 5,24^\circ$). Như vậy, nhóm có khuôn mặt hài hòa có khuôn mặt khá nhô, khuôn mặt nam hài hòa nhô hơn khuôn mặt nữ hài hòa.

Góc lồi mặt (n-sn-pg) ở nhóm HH lớn hơn kết quả nghiên cứu của Nguyễn Phương Trinh (2016). So sánh với Paula Fernández-Riveiro, góc mũi môi (cm-sn-ls) ở nhóm hài hòa nhỏ hơn so với người da trắng,

trong khi góc môi cằm (li-b-pg) và góc đỉnh mũi (n-pn-sn) lớn hơn so với người da trắng. Góc hai môi (sn-ls/li-pg) nhỏ hơn nhiều so với nghiên cứu của Lines trên người da trắng. Như vậy, nhóm có khuôn mặt hài hòa có hai môi nhô ra trước nhiều hơn và mũi tù hơn so với người Châu Âu da trắng.

4.3. Đặc điểm hình thái, kích thước khuôn mặt hài hòa của người dân tộc Kinh độ tuổi 18 – 25 trên phim sọ mặt từ xa (n=407)

4.3.2. Đặc điểm hình thái, kích thước khuôn mặt hài hòa của người dân tộc Kinh độ tuổi 18 – 25 trên phim sọ mặt từ xa (n=407)

Phân tích các góc mở mềm trên phim sọ mặt nghiêng giữa nam hài hòa và nữ hài hòa, kết quả cho thấy nam hài hòa và nữ hài hòa có các góc sau đây khác biệt có ý nghĩa thống kê: góc mũi mặt Pn-N-Pg (nam hài hòa: $27,46 \pm 3,60$; nữ hài hòa: $26,20 \pm 3,57$), góc lõm mặt qua mũi N-Pn-Pg (nam hài hòa: $134,92 \pm 5,96$; nữ hài hòa: $135,82 \pm 5,00$); góc Z (nam hài hòa: $74,06 \pm 6,73$; nữ hài hòa: $76,62 \pm 5,56$); góc hai môi (Sn-Ls/Li-Pg) ở nhóm nam hài hòa lớn hơn nhóm nữ hài hòa, góc mũi môi (Cm-Sn-Ls) ở nam hài hòa nhỏ hơn nữ hài hòa, góc mũi Pn-N-Sn ở nam hài hòa lớn hơn nữ hài hòa cho thấy mũi nam hài hòa cao hơn mũi của nữ hài hòa; góc lõm mặt qua mũi N-Pn-Pg' nam hài hòa nhỏ hơn nữ hài hòa cho thấy mũi nam hài hòa nhọn hơn mũi của nhóm nữ hài hòa. Góc lõm mặt N-Sn-Pg' ở nam hài hòa nhỏ hơn nữ hài hòa cho thấy nam hài hòa có dạng mặt hơi lõm hơn so với nữ hài hòa. So sánh góc môi cằm Li-B'-Pg' với nghiên cứu của Scheiderman (nam 122° , nữ 128°) chúng tôi thấy góc môi cằm ở nam và nữ hài hòa trong nghiên cứu của chúng tôi đều lớn hơn (nam hài hòa: $132,39 \pm 12,89^\circ$; nữ hài hòa: $130,28 \pm 15,17^\circ$). Như vậy, rõ ràng điểm B' ở nam trong mẫu nghiên cứu của chúng tôi ít lõm hơn, hay nói cách khác cằm của nam hài hòa ít nhô ra trước hơn. Góc môi cằm Li-B'-Pg' nữ hài hòa nhỏ hơn nam hài hòa điều này cho thấy nữ hài hòa có điểm B' lõm hơn hay nói cách khác cằm lẹm hơn. Điều này cũng giống nhận xét của Vũ Khoái nữ có cằm lẹm hơn thì nhìn duyên hơn. So sánh với tiêu chuẩn và các tác giả khác như Line, Scheiderman chúng tôi nhận thấy nam và nữ hài hòa đều có khuôn mặt nhô hơn ở tầng mặt dưới, mũi thấp và tù hơn. Góc Cm-Sn-Ls của cả nam và nữ hài hòa đều nằm trong giới hạn của người châu Âu. Điều này cho thấy đặc điểm hình thái khuôn mặt tư thế nghiêng của nhóm đối tượng được đánh giá hài hòa mặc dù mang giá trị có khác hơn so với chủng người Châu Âu nhưng vẫn mang xu hướng thẩm mỹ chung của người Châu Âu.

4.4. Quan điểm khuôn mặt hài hòa nhìn từ góc độ của cộng đồng và người chuyên môn

4.4.1. Quan điểm về khuôn mặt đẹp, khuôn mặt hài hòa? Đẹp có phải là hài hòa?

Kết quả nghiên cứu định tính đã cho thấy sự khác biệt khá rõ trong quan điểm “*khuôn mặt đẹp*” giữa 3 nhóm độ tuổi. Độ tuổi 25 đến 40 tuổi cho rằng với nữ một khuôn mặt ưa nhìn, sáng sủa, trắng trẻo, không cần son phấn, có má lúm đồng tiền, răng khềnh, và hay cười, tạo nên vẻ hiền lành, phúc hậu, và tạo cho người nhìn một cảm giác yêu mến, gần gũi và thân thiện. Một kết quả nghiên cứu công bố gần đây tại Trung Quốc của tác giả Samizadeh, S.Wu, W. (2018): dạng khuôn mặt được ưa thích nhất là hình hình oval chiếm tỷ lệ 39,94. Quan điểm thẩm mỹ của Việt Nam khá tương đồng với người Trung Quốc. Đối với thế hệ trung niên (độ tuổi >45) Việt Nam, họ thích vẻ đẹp “*truyền thống*” với các đặc điểm đậm chất phụ nữ “*Á Đông - Thuận Việt*”. Họ cho rằng những người có khuôn mặt như vậy là những người tử tế, hiền lành, tốt bụng...và đó là khuôn mặt “*đẹp*”. Ở nhóm tuổi trẻ, các bạn có xu hướng thích những khuôn mặt được cho là “*mốt*” tùy vào từng thời kỳ như, các bạn có thể thích một khuôn mặt V-line; trán rộng; mũi hẹp; mắt to; cằm hẹp, ngắn và nhỏ; miệng rộng với môi trên mỏng; ; nước da trắng, mịn màng. Khái niệm “*khuôn mặt đẹp*” là một khái niệm mang tính tương đối và sẽ có sự thay đổi theo thời gian, chịu sự chi phối của từng giai cấp trong từng giai đoạn lịch cụ thể và cảm nhận về cái đẹp của mỗi cá nhân.

Đối tượng 18 – 25 tuổi có các quan điểm trái chiều nhau giữa đẹp và hài hòa, có đối tượng cho là khác nhau, có đối tượng chưa từng nghe nói tới; có đối tượng cho rằng không khác nhau. Cũng có một số đối tượng độ tuổi <25, khi được hỏi bước đầu phân biệt được sự khác nhau giữa “*khuôn mặt đẹp*” và “*khuôn mặt hài hòa*” trong đó đẹp có nghĩa là hài hòa và có liên quan với nhau như mắt hai mí, mũi không bị tẹt cũng không cần cao quá, khuôn mặt vừa phải; nam mặt hơi góc cạnh một chút, có râu nhưng không quá nhiều, vóc dáng cao to, sạch sẽ, mắt hai mí...còn hài hòa có nghĩa là các chi tiết trên khuôn mặt cân đối, tỷ lệ với nhau. Với độ tuổi trên 25 và dưới 45, họ đều thống nhất về sự khác biệt giữa “*đẹp*” và “*hài hòa*”. Họ cho rằng, một khuôn mặt đẹp là khuôn mặt nhìn vào sẽ thấy có “*điểm nhấn*” khiến người khác khi nhìn vào sẽ cảm thấy ấn tượng ngay. Với nam giới, khuôn mặt hài hòa ở nam giới không phải tất cả các chi tiết trên khuôn mặt đều đẹp ví dụ như cặp mắt đẹp, miệng đẹp nhưng mũi không đẹp, nhưng khi nó sắp xếp vào khuôn mặt lại góp phần làm khuôn mặt đó đẹp hơn, khi tiếp xúc thấy thân thiện hơn.. Như vậy, có thể thấy ngay trong xã hội Việt Nam hiện nay, giữa

các thể hệ cũng có những quan điểm tương đối khác nhau, mang đậm nét cảm tính về quan điểm giữa “khuôn mặt đẹp” và “khuôn mặt hài hòa”.

Vậy đẹp có phải là hài hòa? – nhìn từ góc độ của nhóm chuyên môn, 100% các chuyên gia khi được phỏng vấn đều cho rằng đẹp không phải là hài hòa bởi một khuôn mặt hài hòa đúng các tỷ lệ chưa chắc đã đẹp bởi nó còn phụ thuộc vào cảm nhận của mỗi người khi ngắm nhìn. Còn đẹp chắc chắn phải ở mức độ cao hơn hài hòa. Hay nói cách khác, đẹp trước tiên phải hài hòa còn hài hòa chưa chắc đã là đẹp. Theo các chuyên gia, khi nhận định một khuôn mặt hài hòa, thông thường hay quan sát và cảm nhận sự hài hòa thông qua các bộ phận trên khuôn mặt: tổng thể phải cân đối, hai mắt không quá gần nhau, không quá xa nhau, sống mũi không quá tẹt, không quá cao, không quá gồ, miệng xinh nhỏ (trong khi đó người Châu Âu thích miệng rộng). Khi nhắc tới “Đẹp” thì trước tiên phải hài hòa, bên cạnh đó chứa thêm các yếu tố cảm quan, cảm nhận (*không phải yếu tố nhân trắc nữa*) như: khuôn mặt phải có hồn, cái miệng phải tươi, các nét vừa đã hài hòa rồi còn phải xinh và ăn nhập với nhau. Như vậy, đẹp và hài hòa là hai khái niệm khác nhau ở hai mức độ: hài hòa là các kích thước, tỷ lệ phù hợp với giá trị đẹp chung của người Việt Nam, các bộ phận trên khuôn mặt phải cân đối, tỷ lệ. Khuôn mặt đẹp thì trước tiên phải là khuôn mặt hài hòa, bên cạnh đó chứa thêm yếu tố cảm quan không phải yếu tố nhân trắc.

4.4.2. Quan điểm về sự cảm nhận cái đẹp giữa các thế hệ trong xã hội hiện nay

Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy có sự khác nhau rõ rệt về sự cảm nhận về cái đẹp, cái hài hòa trên khuôn mặt của các thế hệ lứa tuổi trong cộng đồng. Đối với lứa tuổi 25 - 45, trong quan điểm của họ cũng bị ảnh hưởng một phần bởi tư tưởng của những người lớn tuổi trong gia đình nhưng cũng không quá nặng nề như lứa tuổi trung niên. Họ cũng nghĩ rằng những người có khuôn mặt dài, mỏng, gầy, gò má cao là những người không thật thà và khó tin tưởng. Mặc dù điều này không đúng với tất cả mọi người, nhưng họ vẫn có sự e dè nhất định. Họ cũng thích một vẻ đẹp hiện đại, quyến rũ giống như “những người nổi tiếng phương Tây”: khuôn mặt góc cạnh (để tạo điểm nhấn, ấn tượng khi trang điểm), mũi cao, mắt sâu, môi hơi dày, làn da rậm nắng, với một phong cách cá tính, mạnh mẽ.

Với lứa tuổi từ 18 đến 25, chúng tôi nhận thấy cảm nhận về cái đẹp ở lứa tuổi này hoàn toàn trái ngược lại với hai nhóm tuổi trên. Đa số đối tượng thích thú và hào hứng với những vẻ đẹp của những khuôn mặt

mang xu hướng và phong cách của Hàn Quốc, Nhật Bản hay Thái Lan với một khuôn mặt V-line, cằm nhọn, mặt thon, mắt hai mí, mũi cao, da trắng (cả nam và nữ),...

4.4.3. Quan điểm về sự chấp nhận phẫu thuật thẩm mỹ và xu hướng thẩm mỹ hiện nay

Kết quả nghiên cứu cho thấy đa số người dân trong xã hội hiện nay không còn có cái nhìn khắt khe đối với phẫu thuật thẩm mỹ, họ phần nào đã chấp nhận phẫu thuật thẩm mỹ như một phần của cuộc sống. Tuy nhiên, đa số đối tượng chấp nhận PTTM chỉ khi thực sự họ muốn sửa chữa một đặc điểm nào đó trên khuôn mặt khiến họ thấy mất tự tin và dĩ nhiên việc làm đó thường được không được khoe ra, hay thông báo rộng rãi tới người thân, bạn bè và đồng nghiệp. Với độ tuổi trung niên họ vẫn coi trọng vẻ đẹp của khuôn mặt tự nhiên không qua phẫu thuật thẩm mỹ. Bên cạnh đó họ coi trọng tính cách, bản chất bên trong con người hơn là vẻ bề ngoài. Nhóm tuổi trẻ (18 - 25) quan tâm, thích thú khi đề cập đến việc này và chia sẻ rằng nếu có tiền sẽ đi PTTM để khắc phục những nhược điểm các bạn coi là không đẹp trên khuôn mặt để có được một khuôn mặt đẹp hơn, quyến rũ hơn. Với nhóm chuyên môn, đa số không thích PTTM, thích vẻ đẹp tự nhiên, PTTM chỉ đặt ra khi quá xấu, không tự tin ảnh hưởng lớn đến chất lượng cuộc sống hay giao tiếp xã hội. Nhóm chuyên môn mặc dù có kiến thức và kinh nghiệm nhiều trong lĩnh vực này nhưng thực tế với họ để chấp nhận PTTM, họ có nhiều cân nhắc hơn, không lạm dụng PTTM. Điều này có thể do nhóm chuyên môn hiểu rõ những nguy cơ và tai biến có thể xảy ra khi thực hiện các can thiệp làm thay đổi thẩm mỹ khuôn mặt. Kết quả này cũng tương đồng với nghiên cứu của tác giả Nguyễn Việt Anh (2017) khi đánh giá về nhu cầu thay đổi thẩm mỹ của nụ cười. Một nghiên cứu gần đây tại Hàn Quốc (2017) cho thấy: gần một nửa số bác sĩ (49,6%) không ủng hộ tuyệt đối phẫu thuật thẩm mỹ. Với các chuyên gia trong lĩnh vực giải phẫu nhân trắc, khi PTTM cần cân nhắc nên phẫu thuật cái gì? chỉnh sửa cái gì? chỉnh đến đâu?, không nên lạm dụng.

4.4.4. Quan điểm về sự ảnh hưởng của yếu tố phong thủy trên khuôn mặt trong xã hội Việt Nam hiện nay

Với người phương Đông, yếu tố phong thủy trên gương mặt có ảnh hưởng lớn tới cuộc sống của mỗi người dù người đó là nam hay nữ, là người trẻ hay người già, là nông dân hay trí thức, chỉ là mức độ tác động đến quan điểm sống đến họ nhiều hay ít mà thôi. Yếu tố “*tướng số*” cũng có ảnh hưởng đến quá trình đánh giá “khuôn mặt hài hòa” của nhóm

chuyên gia. Có thể chính những quan điểm này đã làm ảnh hưởng lớn đến xu hướng thẩm mỹ của người Việt Nam. Đây là một đặc điểm khá độc đáo, khác biệt so với các dân tộc khác trên thế giới. Dù có nhiều yếu tố ảnh hưởng nhưng quan điểm chung của nhóm chuyên gia vẫn là xu hướng thẩm mỹ với vẻ đẹp tự nhiên, không can thiệp dao kéo. PTTM chỉ đặt ra khi người đó quá xấu, có nét phong thủy không tốt, bị xã hội chú ý nhiều hay ảnh hưởng nhiều tới chức năng.... Quan điểm này cũng phù hợp với quan điểm về xu hướng thẩm mỹ khuôn mặt hiện nay của các chuyên gia ở các nước láng giềng Việt Nam. Điều này cho thấy xu hướng phẫu thuật thẩm mỹ hiện nay ở Việt Nam và khu vực châu Á là giúp cải thiện thẩm mỹ khuôn mặt mà vẫn giữ được nét đặc trưng cho mỗi quốc gia, chủng tộc.

4.5. Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá khuôn mặt hài hòa cho người dân tộc Kinh độ tuổi 18 – 25

Thực tế cho thấy số lượng các nghiên cứu về đặc điểm nhân trắc khuôn mặt hài hòa cho nhóm tuổi trưởng thành còn khá khiêm tốn. Mỗi nghiên cứu vẫn còn một vài điểm hạn chế khiến cho kết quả nghiên cứu chưa thể mang tính đại diện cho đối tượng trưởng thành độ tuổi 18 – 25. Từ phân tích kết quả của những nghiên cứu đã triển khai tại Việt Nam cũng như trên thế giới, chúng tôi đề xuất bảng tiêu chuẩn đánh giá KMHH cho người trưởng thành gồm 16 chỉ số đo chung và theo giới, trong đó có 6 chỉ số tỷ lệ, 6 chỉ số góc mô mềm và 4 khoảng cách từ môi đến đường thẩm mỹ E,S. Khi đánh giá KMHH, cần chú ý đến những quan điểm xã hội ở các lứa tuổi khác nhau : Độ tuổi 18-25 ưa thích khuôn mặt V-line, cằm dài nhọn, mắt to tròn, mũi cao và hẹp, miệng rộng với môi trên mỏng, nước da trắng mịn..... Độ tuổi <45, khuôn mặt không cần quá đẹp, cũng không cần phải “thuần Việt” quan trọng tổng thể khuôn mặt phải toát lên sự thanh thoát, nhẹ nhàng, thân thiện và đáng tin cậy (với nam giới); với nữ họ thích vẻ đẹp quyến rũ, hiện đại giống phương tây: mũi cao, thẳng, mặt hơi góc cạnh ... Độ tuổi >45 tuổi, với nam giới, đa số họ vẫn thích khuôn mặt truyền thống, mộc mạc không lai tạo, mang những nét đẹp “Thuần Việt” và chịu ảnh hưởng lớn với các nét tướng số trên khuôn mặt, đặc biệt trên khuôn mặt nữ. Vẻ đẹp ngày nay đang phát triển theo 2 xu hướng là vẻ đẹp tự nhiên không can thiệp thẩm mỹ và vẻ đẹp có can thiệp thẩm mỹ ở mức độ nhất định.

KẾT LUẬN

Formatted: Font: 11 pt, Font color: Auto

Formatted: Font: 11 pt, Font color: Auto

Formatted: Font: Times New Roman, Bold, Font color: Auto

1. Đặc điểm khuôn mặt hài hòa của người dân tộc Kinh độ tuổi 18 – 25 theo ý kiến của hội đồng chuyên môn:

Tỷ lệ KMHH là 45,20%; trong đó mặt dạng oval: 66,6%, vuông: 25,8 %, tam giác: 7,6 %. Các kích thước ngang, dọc, tỷ lệ của khuôn mặt nam HH đều lớn hơn nữ HH. Chiều cao ba tầng mặt ở nhóm hài hòa và không hài hòa không có sự khác biệt. Sự phù hợp với chuẩn tần cổ điển ở cả nam HH và nữ HH ở mức “*giống nhau*” chiếm tỷ lệ rất thấp (<2,0%). Có sự khác biệt về khoảng cách từ hai môi đến đường thâm mỹ E, S giữa hai nhóm HH và không HH; Đa số các góc nghiêng ở nữ HH cao hơn nam HH với sự khác biệt có ý nghĩa thống kê, một số góc có giá trị đánh giá thẩm mỹ khuôn mặt hài hòa như: góc lồi mắt; góc mũi trán Góc mũi môi Góc môi cằm... *Trên phim sọ nghiêng từ xa*: khoảng cách từ môi đến các đường E, S ở nam HH lớn hơn nữ HH ($p < 0,05$); Tương quan XHT – XHD: giữa nam HH và nữ HH không có sự khác biệt trừ góc (F/N-Pg); Các góc mô mềm: góc N-Sn-Pg ở nam HH: $161,28 \pm 6,03^\circ$; ở nữ HH là $162,85 \pm 5,49^\circ$; Góc 2 môi (Sn-Ls-Li-Pg) ở nam HH lớn hơn nữ HH; góc môi cằm (cằm nữ HH lẹm hơn nam HH); góc mũi môi giữa hai nhóm HH không có sự khác biệt; Góc mũi mặt (N-Pn-Pg) ở nam HH nhỏ hơn nữ HH trong khi góc mũi (Pn-N-Pg) ở nam lớn hơn nữ HH cho thấy mũi nam HH cao và nhọn hơn mũi nữ HH.

2. Quan điểm thẩm mỹ khuôn mặt hài hòa người dân tộc Kinh độ tuổi từ 18 – 25 theo quan điểm của những người không chuyên môn:

Hài hòa là khuôn mặt mà các kích thước, tỷ lệ đo đạc trên khuôn mặt gần với giá trị đo trung bình của người Việt Nam, người Á Đông. Hài hòa không phải đẹp. Đẹp trước tiên phải là khuôn mặt có đủ tiêu chí “hài hòa” bên cạnh đó thỏa mãn thêm yếu tố “cảm quan” của người nhìn. Ở mỗi độ tuổi, quan điểm về khuôn mặt hài hòa có sự khác nhau. Độ tuổi thanh niên thích khuôn mặt khuôn mặt V-line, cằm nhọn, mắt to tròn, hai mí, mũi cao, da trắng, không quan tâm vấn đề “khuôn mặt tướng số”; độ tuổi từ 25 - 45 thích khuôn mặt hơi dài, mỏng, gò má cao, tạo nên nét quyến rũ, cá tính theo phong cách phương tây; độ tuổi trung niên thích khuôn mặt truyền thống thuần Việt: khuôn mặt tròn hay trái xoan, mang đậm nét nữ tính, dịu dàng... Xu hướng thẩm mỹ chung ở Việt Nam là hướng tới vẻ đẹp nhiên, không lạm dụng PTTM. PTTM chỉ áp dụng với những trường hợp khuôn mặt không hài hòa, gây ảnh hưởng nhiều tới chất lượng cuộc sống. Yếu tố phong thủy, các nét tướng số trên khuôn mặt không chỉ ảnh hưởng đến quan điểm của xã hội mà còn có ảnh hưởng nhất định đến quan điểm của các chuyên gia trong nhận định xu hướng thẩm mỹ tại Việt Nam.

3. Tiêu chuẩn đánh giá khuôn mặt hài hòa cho người dân tộc Kinh

độ 18 – 25; Một khuôn mặt được đánh giá là hài hòa phải thỏa mãn được các tiêu chuẩn của xã hội (định tính) và tiêu chuẩn về mặt khoa học (định lượng). Tiêu chuẩn của xã hội (định tính): đó là những đặc điểm hình thái trên khuôn mặt được phần lớn xã hội cảm nhận và yêu thích như khuôn mặt phải trái xoan, ưa nhìn, toát lên vẻ thanh thoát nhẹ nhàng (với nữ), hay khuôn mặt hơi góc cạnh, toát lên vẻ nam tính (với nam), mắt to, tròn, , có hồn, đôi môi đỏ, không quá mỏng, nước da trắng, mịn màng, khỏe khoắn... và không mang những nét “tướng số” không tốt như gò má cao, miệng rộng, mắt ti hí. Tiêu chuẩn này có thể thay đổi theo tuổi, trào lưu và xu thế chung của xã hội. Tiêu chuẩn về mặt khoa học (định lượng): đó là một khuôn mặt hình oval với các số đo trên ảnh (hoặc xquang) giúp đánh giá sự cân xứng, tỷ lệ giữa ba tầng mặt, sự cân xứng giữa kích thước của mắt, mũi, môi trên khuôn mặt; một số góc mô mềm thẩm mỹ đánh giá sự hài hòa giữa trán – mũi – môi – cằm, và tương quan giữa môi với các đường thẩm mỹ ... (Bảng tiêu chuẩn).

KHUYẾN NGHỊ

- Kết quả nghiên cứu bước đầu đã đóng góp cho việc xây dựng một bảng tiêu chuẩn đánh giá khuôn mặt hài hòa cho người dân tộc Kinh độ tuổi 18 – 25 có tính đại diện cho người Việt Nam. Tuy nhiên, vẫn cần có những nghiên cứu tiếp theo thực hiện trên các dân tộc khác nhau, trên các độ tuổi khác nhau để hoàn thiện bộ tiêu chuẩn chung đáp ứng đủ nhu cầu của xã hội.

- Việc tổ chức các cuộc thi tìm kiếm gương mặt đẹp tại Việt Nam có thể sử dụng bảng tiêu chuẩn này như một kênh tham khảo giúp sàng lọc ra những gương mặt hài hòa đáp ứng cả tiêu chuẩn về định lượng cũng như định tính sao cho phù hợp nhất với văn hóa Việt Nam.

- Đây là nguồn tài liệu chính thống rất có giá trị cho các bác sĩ đang hành nghề trong chuyên ngành phẫu thuật thẩm mỹ cũng như chính hình răng mặt tham khảo trước, trong và sau khi phẫu thuật thẩm mỹ cho bệnh nhân là người Việt Nam phù hợp với tâm lý chung người Việt Nam.

MINISTRY OF EDUCATION

MINISTRY OF HEALTH

AND TRAINING

HANOI MEDICAL UNIVERSITY

Commented [NTTH4]: Phần này đưa vào kết quả rất tốt, trong phần kết luận chỉ đưa ra ý quan trọng và nhấn mạnh những tiêu chuẩn cần lưu ý.



HOANG THI DOI

**DEVELOP STANDARDS FOR ASSESSING A
HARMONIOUS FACE FOR THE KINH PEOPLE
AGED 18 - 25**

Major : Odonto Stomatology

Code : 62720601

SUMMARY DOCTORAL THESIS

HA NOI - 2020

**THESIS COMPLETED AT:
HANOI MEDICAL UNIVERSITY**

Supervisor:

Associate Professor Vo Truong Nhu Ngoc, PhD, MD

Associate Professor Nguyen Thi Thuy Hanh, PhD, MD

Reviewer 1:

Reviewer 2:

Reviewer 3:

Thesis will be defended to Assessment Committee of Hanoi Medical University

Organized at Hanoi Medical University

Time:

The Thesis can be found at:

1. National Library
2. Hanoi Medical University Library
- 3.

**PUBLICATION OF SCIENTIFIC WORKS RELATED
TO THE THESIS**

1. Hoang Thi Doi, Nguyen Thi Thuy Hanh, Vo Truong Nhu Ngoc, Nguyen Hoang Minh (2019). Some views on the harmonious face of students of Binh Duong University, Thu Dau Mot University and Binh Duong Medical College. *Journal of Practical Medicine*, No. 11 (1008), 24 - 28.
2. Hoang Thi Doi, Nguyen Hoang Minh, Nguyen Phuong Huyen, Vo Truong Nhu Ngoc, Nguyen Thi Thuy Hanh (2019), Features some face indexes in groups of students with harmonious faces on Cephalometric films, *Viet Nam Journal of Medicine*, 483, 253-258.
3. Hoang Thi Doi, Vo Truong Nhu Ngoc, Nguyen Thi Thuy Hanh, Nguyen Hoang Minh (2018). Morphological characteristics, face size of Kinh ethnic students aged 18-25 at Hanoi and Binh Duong Medical College. *Journal of Practical Medicine*, No. 10(1083), 33-37.
4. Nguyen Hoang Minh, Pham Hoang Tuan, Hoang Thi Doi, Nguyen Thi Thu Phuong, Le Van Son (2019). Effectiveness of orthognathic surgery and the suitability with vietnamese harmonious faces in class III malocclusion patients. *Journal of medical research*, 2(118E4), 43-54.

A. THESIS INTRODUCTION

ABSTRACT

Today, with the strong development speed of science and technology in general and medical science in particular, it is required that Vietnamese medicine must update the normal human biological values in which a Beautiful mature Vietnamese face assessment is a necessity. From 1974 to the present, in Vietnam, there have been many studies to determine the size and index of the cranial-facial region based on many different measurement methods... Some studies have also drawn some conclusions about the facial features of a group of Vietnamese people but it is still not enough. A face considered to be "harmonious" depends not only on rigid measurements but also on many other factors such as ethnic origin, culture, commune environment, society, family background, education level, age, living age, social and cultural exchange of individuals with society and the world, especially the perception of the person facing the face... Therefore, only relying on measuring the indicators to identify and evaluate a harmonious face is not enough. In fact, in Vietnam, there is no standard yet to guide and help them to have a boldly typical face for the Vietnamese people. Today, along with the strong development of the economy, society and the introduction and interference of different aesthetics in the world, the attractiveness of the face is always under the constant impact. Will the perspective of a beautiful face change over time? What is the community's view on this? The inherent harmony of each individual is a great cultural heritage that contributes to the material and spiritual vitality of each nation and each ethnicity. Therefore, we can not take the facial standard of a certain ethnic group to apply it to the Vietnamese people. Stemming from practical needs above, we conduct this research with 03 objectives:

1. *Description of the harmonious facial features of the Kinh people aged 18-25 in standardized images and skull x-ray according to the evaluation perspective of the professional council.*
2. *Analyzing the perspective of the harmonious faces of the above research group according to the opinions of non-professional.*
3. *Developing standards for assessing harmonious faces of the Kinh people.*

THE URGENCY OF THE SUBJECT

Describe the characteristics of a harmonious face based on measurements on standardized images and digital x-ray films to create a quantitative standard table that represents the Kinh adult group in Vietnam. Besides, using qualitative research methods to delve deeply, analyze and clarify the views on beautiful faces, harmonious faces of the community and experts in the relevant fields of facial aesthetics in Vietnamese society today. This is a scientific basis to help develop standards for evaluating harmonious faces for young Kinh people aged 18-25 in Vietnam. This standard table helps orient people if they want to change to have a harmonious face that is typical for the Vietnamese people.

PRACTICAL MEANING AND NEW CONTRIBUTION

1. This is the first research to combine quantitative research and qualitative research to specifically describe the harmonious facial features of the Kinh group aged 18-25 in Vietnam in standardized X-ray digital images and the opinion of the community and experts in the field of cosmetology. This is also a study with a sample size large enough to represent the Kinh group aged 18-25 in Vietnam.

2. Research has clarified the opinion of the community today on the beautiful face and harmonious face, the advantages - difficulties, the influence of feng shui factors on the face to the perspective of harmonious face, the need for plastic surgery and aesthetic trends of Vietnamese society today.

3. The initial research has developed a common standard table for a harmonious face with measurements commonly used in facial aesthetics assessment. Besides, there are current perspectives and trends on the standard of the face of the Vietnamese society in each age group. This is a valuable resource for experts in cosmetic surgery to meet the needs of customers.

THESIS STRUCTURE

Besides the Research Statement and Conclusion, this thesis contains 4 chapters: Chapter I: An Overview on Research Problem, 34 pages; Chapter II: Research Object and Method, 34 pages; Chapter III: Research Results, 38 pages; Chapter IV: Discussion, 39 pages. The thesis consists of 26 tables, 01 charts, and 19 figures, 128 references (68 in Vietnamese, and 60 in English).

B. THESIS CONTENT

Chapter 1. THEORETICAL OVERVIEW

1.1. The concepts of Beauty and Harmonious in today's society

Beautiful is always a difficult concept to define. William Shakespeare (1564 - 1616) once said that "*Beauty itself doth of itself persuade the eyes of men without an orator.*"; the definition of "Beauty" in the English dictionary: *Beauty is a combination of qualities, such as shape, color or form, that pleasing the senses of aesthetics, especially the sight* Above mentioned proves that it is impossible to clearly and precisely define "beauty".

Harmonious is a balanced combination of elements, components, creating the impression of beauty, the perfect [15]. According to Pythagore, harmony is the unity and integration of many different elements. [16]... In general, the current beautiful and harmonious viewpoint in society has not been specific, clear and no research differentiates and clarifies the difference between these two concepts.

1.2. Some concepts about facial aesthetics today

1.2.1. The conception of the facial aesthetics of Asians: Eastern and Western women have many differences in beauty standards. Over time, this standard also has certain changes. For Japanese women, beauty comes from fair skin. For the Chinese, an ideal face for a woman is a rounded face, well-defined cupid bows lips, a ratio of upper and lower lip proportional to a medical fulcrum and tapering back. the back and chin are narrow and light with a rounded tip. A non-angular jaw angle, straight nose bridge, and straight face are very popular features [20].

1.2.2. The conception of the facial aesthetics of Europeans: Europe is the cradle of art and beauty. In France, beauty is emphasized as natural beauty, not through cutlery, not too dependent on makeup. Therefore, French women often pursue elegant beauty, charm but not too flashy and eye-catching.

1.2.3. The conception of the facial aesthetics of the Americas: The Americas, especially the South American region, is the birthplace of the world's leading beauty and the hotness is a feature of the beauty of women here: a healthy body with sensual curves, Ghost eyes, chubby lips are the characteristics of American beauty.

1.2.4. The conception of the facial aesthetics of Africans: According to the concept of Africans, owning a muscular crane body is not a standard of beauty in this continent.

1.2.5. The conception of the facial aesthetics in Vietnam: In Vietnam, through each period of history, the concept of beauty of women has had certain changes. An article reported that a total of 8 differences were compared, with 5/8 comparison points on the face. If in the past, the standard of Vietnamese women was rounded shape, plump face, and smiling, then today, a girl who owns a V-line chin, a wide smile will be considered beautiful...

1.3. The effect of growth on facial aesthetics

1.4. The methods of researching face-to-face anthropology

1.4.1. Measure directly: Clinical direct measurements tell us exactly the real size, the fidelity indicators. However, this method is time-consuming and requires a lot of experience to determine accurate benchmarks on soft tissue.

1.4.2. Measure on standardized photographs: Measurements on standardized photographs are taken on standardized photographs of straight and inclined poses. This method is commonly used in many different fields such as anthropometry and criminal justice with the advantage of: cheap and can help to better assess the correlation of extracranial structures including muscle and soft tissue. The facial aesthetic analysis is mainly direct observation and normalized image analysis with aesthetic evaluation being the soft tissue evaluation. These two methods are complementary to each other.

1.4.3. Measure on x-ray film: Telephonic X-ray images are taken from a distance technology help us study changes due to development, help assess bone and soft tissue structure when diagnosing, planning treatment, directing corrective procedures. and surgery, and finally help monitor and evaluate the results of treatment.

1.4.4. Aesthetic analysis of faces on x-ray of a straight face from a distance: In addition to the classic application for identifying horizontal asymmetry, the cranial straight film provides valuable morphological information such as shape, cranial size, bone density, and morphology. Learning of the joints in the process of growth and development.

1.4.5. Measure on dental plaster

1.5. Some facial features studies in the world, Vietnam

1.5.1. Some studies in the world: In the world, studies of facial features have appeared quite early. However, the results of these studies only stop at some very basic indicators on the skull and some on the facial software. Most of these studies have yielded significant results and are used in facial analysis, testing of measurements, and evaluation of facial indexes with comparisons between men and women. This result has brought typical values for each nation. However, the measurement results of this ethnic group cannot be applied to another ethnic group because of the difference in facial aesthetics in each ethnic group.

1.5.2. Some studies in Vietnam: In our country at present, there are not many systematic studies on face-to-face anthropometry, large sample sizes, representative of Vietnamese people for application in diagnosis and treatment. Up to now, there has not been any research study to understand and analyze Vietnamese conceptions about facial aesthetics. Therefore, it is necessary to have new and additional studies to be able to develop into a standard that is representative of the Vietnamese people.

Chapter 2. SUBJECTS AND RESEARCH METHODS

2.1. Location and research time

2.1.1. Research location: Hanoi and Binh Duong.

2.1.2. Research time: Quantitative data collection: in Binh Duong from September 2017 to October 2017; in Hanoi from January 2018 to June 2018. Collect qualitative data: in Binh Duong September 2017; in Hanoi: June 2018.

2.2. Research subjects

- *Quantitative research:* Men and women aged 18-25, Kinh people.

- *Qualitative research:* Men and women aged 18-25 years were selected from the target group involved in quantitative research; men and women aged ≥ 18 years living, studying and working in Hanoi capital and Thu Dau Mot city in Binh Duong province; specialist group in the facial cosmetic field: dentistry, orthodontist, anthropologist.

a, Selection criteria: - *Quantitative research:* Having parents, grandparents who are Vietnamese; being healthy, not suffering from birth defects, facial jaw injuries, cosmetic surgery, orthodontic; have BMI within normal limits; living in Hanoi and Binh Duong; voluntarily participating in research.

- *Qualitative research:* are men and women aged 18-25 who have been selected for quantitative research, are living, studying in Hanoi and Binh Duong. They are eligible to provide information and voluntarily

participate for research; men and women aged ≥ 25 who are students, cadres, and lecturers who are studying and working at two research points: Hanoi Medical College and Binh Duong Medical College; a group of experts in facial aesthetics with an experience of ≥ 10 years; have sufficient conditions and time to provide information; agree to participate in the research.

b, Exclusion criteria:

- *Quantitative research:* are suffering from an acute systemic disease at the time of data collection; allergic cases, urticaria affecting the face and the whole body at the time of data collection; have interfered with tattooing of the eyes, lips, eyebrows ... are suffering from corneal pathologies, viral infections (Herpes) with facial lesions; the subjects are not well psychologically, not cooperative; don't like to take photos; There are contraindications to x-rays.

- *Qualitative research:* the subject is incapable of answering a question due to mental illness, or other related conditions; the subject gives up halfway; the subject is not in a good mood; uncooperative.

2.3. Research design: The research used a combination of quantitative and qualitative research methods

Quantitative research: The research used a cross-sectional descriptive study design for the Kinh students, aged 18-25 years, through 900 standardized tilt images and 407 straight-tilted x-ray films of the target group. be classified as a group with a harmonious face.

Qualitative research: Qualitative research was conducted based on group discussions of non-technical target groups and in-depth interviews with expert groups to gain a deeper understanding of the views of experts and citizens about the stereotypical perspective. Beautiful face and harmonious face.

2.4. Select the research sample

2.4.1. Sample size

a, Sample sizes for quantitative research:

Apply the formula for estimating sample sizes according to a ratio of descriptive, cross-sectional studies:

$$n = Z_{(1-\alpha/2)}^2 \frac{p \cdot (1-p)}{d^2}$$

In which: n: Minimum sample size; $Z_{(1-\alpha / 2)}$: With 95% of reliability, $Z_{(1-\alpha / 2)} = 1.96$; p: Average facial harmony ratio, according

to the research of the author Vo Truong Nhu Ngoc (2010) is 0.43; $q = 1 - p = 0.57$; d : For the desired accuracy, we chose $d = 0.05$.

Apply the formula, we have $n = 376,63$. We round it to $n = 400$ people. To avoid losing data, we increased the sample size by 10%. So the sample size for each province is $n = 440$ (people). Rounding: $n = 450$ people. The sample size was chosen in two areas: Hanoi and Binh Duong: $450 \times 2 = 900$ (people).

b. The sample size for qualitative research: The sample size for qualitative research was 88 subjects (non-professional groups) for 12 group discussions (in Hanoi: 6 groups; in Binh Duong: 6 groups) of which 63 subjects were randomly selected from Universities, colleges, and health and educational institutions in Hanoi and Binh Duong and 25 subjects were selected for the purpose of 900 subjects of quantitative research. Besides, there are 5 subjects (professional groups) for in-depth interviews.

2.4.2. Sampling process

The target areas are Hanoi city and Thu Dau Mot city, Binh Duong province. In each region, we randomly selected universities and colleges with a large number of Kinh students, aged 18-25, including 5 school points. The Institute of Odonto-Stomatology Training sends a dispatch to the schools before the time of data collection. The Youth Union coordinated with the head teacher of the classes to make a list of all students who participated until the number of samples was enough.

The surveyor based on the student list of school sites created a new list of research subjects by each field and assigned each student a code. This code will be used in the questionnaire; encrypt photos; X-ray film encoding. With a team of experts, we conducted a list of experts operating in the fields of anatomy - anthropology, orthodontics, maxillofacial teeth in Hanoi. We then proceed to contact. Experts who agree to participate in the research, we will schedule the appropriate time and place to invite experts to come and conduct qualitative data collection.

2.5. Information gathering process

2.5.1. Quantitative research

a. Phase 1: From the list of research subjects sent by the field, coding the research object. Training for researchers in standardized photographic techniques, x-ray imaging, standard image assessment, standard film, image standardization, image measurement and x-ray by Vnceph software. Make a list of expert photo grading committee, send an invitation for photo grading training to ensure high consistency in the photo grading process, based on Kappa index results.

b. Phase 2: - Based on the encrypted list, call each research subject to clinical examination, fill out the Survey Form. Subjects who meet the selection criteria will be allowed to enter a standardized shooting area (straight, tilt) and receive an appointment to take an X-ray film (straight, tilt).

- The photos are collected in the numerical order of each field point, renamed photos according to the code; standardized images. From that image randomly selected 900 objects to normalize black and white images and make into video clips.

- Establishing a Council of experts for harmonizing photos, including 20 people, sending Video clip and HARMONIOUS FACE scorecard (Appendix 3) to each member of the council to judge photos and get back the results on the same day.

- As a result of the Harmonized Image Grading Council, 407 subjects with pixel scores of 3 or more were selected. Proceeding with a list of 407 subjects, contact to capture digital x-ray film.

- All images (900 objects) and digital x-ray films (407 harmonized objects) will be encoded, standardized and transferred to Vnceph software to measure dimensions.

- Processing and analyzing data with SPSS16.0 software.

2.5.2. Qualitative research

- Develop guidelines for group discussions, in-depth interviews.

- After randomly selecting 25 subjects from the quantitative sample, 63 subjects randomly selected during the process to the study sites to collect quantitative data with a total number of subjects for focus group discussions of 88 subjects in all 3 age groups (18-25; 25-45, ≥ 45 years) and 05 experts agreed to participate in in-depth interviews, fellows make a list of a total of 93 subjects, then call for permission and arrange a schedule for group discussions and in-depth interviews. Out of 93 subjects, no one refused to participate in the study. Continuously analyze qualitative data during the research process to raise new issues to continue conducting information mining until the information is saturated.

2.6. Information gathering tool

2.7. Processing and analyzing data

2.7.1. Quantitative research: Measure dimensions, indexes on standardized images and digital x-ray films using VnCeph software.

2.7.2. Qualitative research: After each interview day at the research sites, the fellows recorded the notes of each discussion group, each in-depth interview into the field diary, including verbal information and other information. The data is aggregated and explained by applying content analysis strategies. Group discussions and in-depth interviews are

recorded by audio recorder. The recording files are then removed and typed into the word file.

2.8. Error tolerance and how to manage it

2.8.1. Quantitative research:

2.8.2. *Qualitative research*: always stick to research objectives; during group discussion, in-depth interviews always ensure that there are 3 collectors and experienced people; record and take note carefully the information provided by the audience; faithfully describe the data during the data interpretation process.

2.9. Ethical issues in research

The research was approved by the Ethics Council in Biomedical Research at Hanoi Medical University.

Chapter 3. RESEARCH RESULTS

3.1. General characteristics of the research subjects

The percentage of men (37.67%) is lower than that of women (62.33%). Subjects in the age of 18 accounted for the highest proportion (30.55%). The majority of people live in Hanoi, accounting for 66.67%; Subjects having a college education are mainly, accounting for 88.67%. Among qualitative research subjects, the age group > 45 years old accounted for the highest proportion (39.79%). The majority of participants are female, accounting for 60.21%; The number of people living in Hanoi accounts for a higher proportion (52.69%); The majority have a college degree (65.59%). The number of subjects who own postgraduate education level is only 5 people, accounting for 5.38%.

3.2. Characteristics of harmonious faces of the Kinh people aged 18 - 25 years old on standardized images and films from afar according to the evaluation of the professional council

3.2.1. Characteristics of harmonious faces of the Kinh people aged 18 - 25 years old on standardized image

Table 3.4. The structure of the object has a harmonious face divided by gender

Gender	Harmonious (n=407)		No Harmonious (n=493)		Total (n=900)		p
	Amount	%	Amount	%	Amount	%	
Male	148	43.7	191	56.3	339	100.0	0.464*
Female	259	46.2	302	53.8	561	100.0	
Total	407	45.2	493	54.8	900	100.0	

The proportion of those with a harmonious face (45.2%) is lower than that of the non-harmonized group (54.8%), the rate of harmony among women (46.2%) is higher than that of men (43.7%), ($p > 0.05$).

Table 3.5. Distribution of face shape between harmonic and non-harmonious groups (n = 900)

Harmonious face	Square face		Oval face		Triangular face		P
	Amount	%	Amount	%	Amount	%	
Harmonious	105	25.8	271	66.6	31	7.6	0.274*
No harmonious	122	24.8	318	64.5	53	10.7	>0.05
Total	227	25.2	589	65.5	84	9.3	

The group with the harmonious faces often met the square and the oval faces more than the group without the harmonious faces, the group with the harmonious faces or the triangle more the group with the harmonious faces ($p > 0.05$).

Table 3.7. Average values of dimensions, angles, ratios and indices between harmonized and non-harmonized groups measured on standardized images (n = 900)

No.	Sign	Harmonious group (n=407)		No Harmonious group (n=493)		p
		\bar{x}	SD	\bar{x}	SD	
<i>Horizontal dimensions (mm)</i>						
1	zy-zy	144.53	7.29	144.33	7.70	0.679**
2	go-go	123.81	8.65	123.89	8.86	0.9756**
3	al-al	42.01	3.47	41.77	3.59	0.316*
4	en-en	37.49	3.10	37.85	3.20	0.0834*
5	en-ex	34.56	2.94	34.28	3.00	0.0406**
<i>Vertical dimensions (mm)</i>						
1	tr-n	76.55	7.31	77.64	7.01	0.0238*
2	n-sn	50.05	4.01	50.01	4.14	0.8825**
3	gl-sn	62.88	6.66	62.79	6.85	0.5054**
4	tr-gn	184.39	10.42	186.29	11.51	0.0066**
5	sn-gn	61.95	5.04	64.04	5.19	<0.001*
6	tr-gl	58.92	7.26	60.07	7.51	0.0281**
7	n-gn	112.66	6.94	113.55	7.28	0.0694**
<i>Distance from lips to aesthetic lines (mm)</i>						
1	li-E	1.41	2.36	2.10	2.36	<0.001**
2	ls-E	0.50	2.22	2.40	2.45	<0.001*
3	li-S	2.16	2.53	3.55	2.39	<0.001*
4	ls-S	1.51	2.28	2.59	2.24	<0.001*
<i>The proportions</i>						

No.	Sign	Harmonious group (n=407)		No Harmonious group (n=493)		p
		\bar{X}	SD	\bar{X}	SD	
1	al-al/en-en	1.13	0.10	1.11	0.10	0.0309**
2	en-en/en-ex	1.09	0.13	1.11	0.14	0.021*
3	ch-ch/al-al	1.20	0.10	1.20	0.10	0.8725**
4	al-al/zy-zy	0.29	0.02	0.29	0.02	0.42*
5	al-ch/ch-pp	1.98	10.65	0.35	7.78	0.7536**
6	sa-sba/n-sn	1.14	0.11	1.15	0.12	0.6709**
7	tr-gl/gl-sn	0.95	0.17	0.97	0.18	0.2027**
8	gl-sn/sn-gn	1.02	0.12	0.98	0.11	<0.001**
9	n-sn/n-gn	0.44	0.03	0.44	0.03	0.0968**
<i>The tilt angle (°)</i>						
1	cm-sn-ls	93.38	13.32	91.72	12.67	0.0568*
2	sn-ls/li-pg	144.10	11.62	138.99	14.13	<0.001*
3	pn-n-pg	28.32	3.34	27.05	3.22	<0.001**
4	pn-n-sn	20.13	2.53	19.90	2.21	0.3209**
5	sn-pn-n	104.29	6.98	106.21	6.62	<0.001*
6	li-b-pg	134.32	14.47	136.53	14.67	0.0235*
7	gl-n-pn	134.72	6.53	134.64	7.09	0.8634**
8	gl-sn-pg	169.61	5.03	170.47	5.54	0.0067**
9	n-sn-pg	165.08	5.39	162.50	5.64	<0.001**
10	n-pn-pg	134.56	4.85	136.75	5.24	<0.001**

The average distance from the lips to the aesthetic lines has a statistically significant difference between the harmonic and non-harmonized group. Most averages do not have statistically significant differences between harmonized and non-harmonized groups (except al-al / en-en, en-en / ex-gl and sn-sn / sn-gn.). Most of the average inclination angles had a statistically significant difference between the harmonized and non-harmonized groups (except cm-sn-ls, pn-n-sn, gl-n-pn).

3.2.2. Features of 6 neoclassical standards in groups of subjects with harmonious faces and Kinh ethnic group aged 18-25

Table 3.11. Features same, similar, different according to neoclassical standard in groups of subjects with harmonious faces (n = 407)

No.	Neoclassical standard	Group	Same		Similar		Different		p
			n	%	n	%	n	%	
1	al-al = en-en	Harmonious Male	1	0.7	14	9.5	133	89.9	0.006*
		Harmonious Female	12	4.6	45	17.4	202	78.0	

2	en-en = en-ex	Harmonious Male	3	2.0	32	21.6	113	76.4	0.201*
		Harmonious Female	14	5.4	62	23.9	183	70.7	
3	tr-gl = gl-sn	Harmonious Male	1	0.7	15	10.1	132	89.2	0.65**
		Harmonious Female	5	1.9	28	10.8	226	87.3	
4	gl-sn = sn-gn	Harmonious Male	2	1.4	32	21.6	114	77.0	0.514*
		Harmonious Female	8	3.1	51	19.7	200	77.2	

By neoclassical standard, the proportion of "different" is the highest in both male and female harmony (over 70%); the proportion of "same" is low (<5.0%).

3.2.3. Characteristics of harmonious faces of the Kinh people aged 18-25 in movies from afar according to the opinion of the professional council:

Table 3.14. Values of the average dimensions, angles, ratios, and indicators of the group with harmonious faces measured on an x-ray of the skull (n = 407)

No.	Sign	Harmonious Male (n=148)		Harmonious Female (n=259)		p
		\bar{x}	SD	\bar{x}	SD	
<i>Distances (mm)</i>						
1	N-ANS	53.41	3.73	54.46	3.47	0.0177**
2	ANS-Me	60.66	5.69	57.21	4.99	<0.001*
3	N-Me	115.10	7.30	112.15	6.38	<0.001*
4	GI-ANS	61.90	4.26	56.91	4.27	<0.001*
5	I-NA	5.07	2.26	4.93	2.31	0.6595**
6	i-NB	6.25	2.18	6.16	2.09	0.6982*
<i>The proportions</i>						
1	GI-ANS/ANS-Me	1.03	0.12	1.00	0.11	0.0114**
2	N-ANS/N-Me	0.46	0.03	0.49	0.03	<0.001**
<i>Distance from lips to aesthetic lines (mm)</i>						
1	Li-E	1.77	2.37	1.37	2.08	0.1618**
2	Ls-E	0.44	2.34	-0.21	1.87	0.0021*
3	Li-S	2.99	2.28	2.47	2.02	0.0173*
4	Ls-S	2.36	2.52	1.79	1.73	0.0174**
<i>Correlation between jaw bone (°)</i>						
1	SNA	84.33	4.42	83.93	3.75	0.5398**
2	SNB	80.98	4.36	80.61	3.82	0.3641**
3	ANB	3.34	2.22	3.32	2.28	0.7412**
4	N-Sn-Pg	161.28	6.03	162.85	5.49	0.01**
5	F/N-Pg	88.53	3.53	89.76	3.33	<0.001**
6	FMIA	58.05	7.69	58.82	7.35	0.3194*
<i>Tooth - bone correlation (°)</i>						

No.	Sign	Harmonious Male (n=148)		Harmonious Female (n=259)		p
		\bar{x}	SD	\bar{x}	SD	
1	i/MP	96.79	6.86	95.09	6.96	0.017*
2	I/Pal	122.14	6.85	121.80	7.20	0.5174**
Tooth - tooth correlation (°)						
1	I/i	119.53	9.34	122.35	10.90	0.0086*
Soft tissue angle (°)						
1	Sn-Ls-Li-Pg'	141.01	10.51	140.82	10.87	0.8639*
2	Pn-N'-Pg'	27.46	3.60	26.20	3.57	0.0007*
3	Li-B'-Pg'	132.39	12.89	130.28	15.17	0.0787**
4	Cm-Sn-Ls	93.53	13.69	94.75	12.20	0.1435**
5	Pn-N-Sn	19.22	2.77	19.14	2.24	0.7045**
6	N-Pn-Pg	134.92	5.96	135.82	5.00	0.0216**
7	Z Angle	74.06	6.73	76.62	5.56	<0.001**

Most of the average distances had a statistically significant difference between Harmonious-male and Harmonious-female, except for I-NA and i-NB. The average distance from the lips to the aesthetic lines is a statistically significant difference between Harmonious male and female, except for Li-E. The median bone correlation values were not significantly different between Harmonious-male and Harmonious-female (except N-Sn-Pg and F / N-Pg). The average value of i / MP is a statistically significant difference between Harmonious-male and Harmonious-female. Soft tissue angles do not differ statistically, except for Pn-N'-Pg', N-Pn-Pg and Z angles.

3.3. Perspectives of the harmonious face of the above research group according to the opinion of non-professional

3.3.1. Perspectives of non-professional groups

3.3.1.1. Perspective on a beautiful face, harmonious face

When asked what is the point of a beautiful face? Harmonious face? Most of the answers of the non-professional group have few things in common, different views and bold personal feelings, most of which have not yet clearly distinguished between "beautiful" and "harmonious". As a male student said: "In my opinion, it is a bright face, no acne, and fair skin. The bright face is a neat head. The girlfriend in my dream is good looking who

has long hair" (male, 19 years old). "For men, the face should be a bit angular, the eyes are deep, a manly appearance" (male, 21 years old)

Some say that "beautiful" and "harmonious" are expressed through a person's personality or qualities or related to other minor details that are not merely the main characteristics in the face: "I prefer kind girls, gentle face, crooked teeth, smiling, and shoulder-length hair. For men, I prefer bearded men to look more masculine" (Male, 23 years old)

For a middle-aged generation, aged > 45, the concept of beauty, the charming of the face is also different. Some people think that they are not too concerned about a face, but who they are, they will pay attention to their eyes and smiles to feel whether the person is "good" or not as a woman's opinion: "For the ideal male, in my opinion, the face shape is square, the forehead is high, the eyes are bright, the nose is high, the nose wings are not too big, don't protrude too much, that's all" (Female, 45 years old)

With this era, the face is also important but does not reflect all. Most middle-aged people prefer faces with a "traditional" beauty: it's a rounded, kind face for women and a "square" face for men. They think that people with such faces are kind, gentle, and decent people: "A beautiful face for a woman is not too long, a bit compact, not round, not long, the eyes are generally big, black, and the nose and mouth are balanced. For men, in general, a good face must have masculinity, square face, big eyes, long and bold eyebrows" (Male, 55 years old)

This view is in stark contrast to the current youth class, young people tend to prefer faces that are considered "fashionable" depending on the period: for example, they may prefer a V-line face (which is similar to Korean actors and singers), or very angular faces like famous actors in Western countries. In general, the views on beautiful faces, harmonious faces in non-professional groups in society are quite diverse, bearing bold views, personal preferences.

3.3.2. Perspectives of the professional group

3.3.2.2. Seen from the perspective of the professional group

When asked about this issue, 100% of experts said that beauty is not harmonious: "In my opinion, a beautiful face must be more beautiful than a harmonious face, because a harmonious face is only relative. Some indicators are straight, inclined face" (female, 45 years old, orthodontic doctor). "*A harmonious face is a face whose measurements are close to the average. And the harmonious face is not necessarily beautiful and is not necessarily good-looking. Beauty and goodness depend greatly on the viewer's perception*" (female, 65 years old, anthropologist). Experts assert: "beautiful" and "harmonious" are two different concepts. A beautiful face must focus on two factors: harmony (proportion and proportion of measurements) and satisfaction of the sensory factor of the viewer.

3.3.2.3. *Perspective on current facial beauty trends - from a professional perspective*

3.3.2.4. *Perspective on plastic surgery - viewed from the perspective of a professional group*

If society is quite easy to accept Plastic surgery to be more beautiful, more harmonious, the results of in-depth interviews with experts on this issue are somewhat different. In the opinion of a young doctor: "*I don't like girls who went through Plastic surgery, I prefer nature. But if it is bad and affects her life and society, then she should do surgery. If not, then no. For men, I like the unkempt attitude*" (male, 25 years old, Dentist Doctor).

To the anthropologist, she said that natural beauty has its value: "*For her, she advocates natural beauty, without cosmetic intervention. Should plastic surgery be or not? It is the rights of a woman who is beautiful to where she needs to weigh it. Do not use Plastic surgery Y to completely change your face. Does natural beauty have their value?*" (female, 65 years old, anthropologist). Thus, in the opinion of experts, they first uphold the inherent natural beauty that nature bestowed on every human being because "There are no ugly women, only women who do not know how to be beautiful". Plastic surgery only set out to help "ugly people get better and beautiful people to become more beautiful"

but still ensure the criteria such as satisfying the needs of patients, ensuring functional as well as aesthetics, and most importantly still preserving the national identity of Vietnamese people.

Chapter 4. DISCUSSION

4.1. General characteristics of the research object

Among 900 study subjects, the percentage of the research subjects was male (37.67%), lower than female (62.33%), consistent with the general gender structure of the school. The age of 18 accounts for the highest percentage (30.55%). The majority of people live in Hanoi, accounting for 66.67%; Subjects having a college education are mainly, accounting for 88.67%. Qualitative research subjects aged > 45 accounted for 39.79%, mainly women accounted for 60.21% and lived mainly in Hanoi (52.69. Postgraduate education level). Only 5 people accounted for 5.38%.

4.2. Characteristics of harmonious faces of the Kinh people aged 18-25 in standardized images and films from afar according to the evaluation of the professional council)

4.2.2. Morphological characteristics, size of harmonious faces of the Kinh people aged 18 - 25 years old on standardized photos according to professional council comments (n = 407)

The results show that the overall harmony rate is 45.20%. In terms of gender harmony, the harmony rate (male harmony 43.7%; female harmony 46.2%) is lower than the non-harmonized group, similar to Vo Truong Nhu Ngoc (2010). In the group with harmonious faces: oval faces: 66.58%, triangular faces: 7.62%. Compared with some other authors in the world and the country, we find a similarity in proportion. Thus, the first criterion of a harmonious face is oval shape.

According to the neoclassical standard, in both harmonious men and women in harmony, there are very few harmonious cases that achieve the criteria of three equal floors (accounting for a low rate of 6%). This result is similar to Vo Truong Nhu Ngoc; higher than the research results of foreign authors on Europeans. When comparing the other standards of the neoclassical standard, the results are largely different from 1, mostly

differing by more than 2mm. Very similar rate. The distance value from the upper lip (ls) and the lower lip (li) to the aesthetic lines E, S in the harmonized group is smaller than the non-harmonized group. Accordingly, the position of the lips in the group with harmonious faces is closer to the aesthetic lines E, S than the group without harmonious faces. To compare and evaluate the overhang of faces when looking at an angle through standardized images, we consider the value of the convex angle and the convex angle of the nose: the convex angle (n-sn-pg) in the harmonic group is greater than the non-harmonious group. The convex angle of the nose (n-pn-pg) in the harmonic group is smaller than the non-harmonized group. Thus, the group with a harmonious face has a rather protruding face, a harmonious male face is more prominent than a harmonious female face. The convex angle (n-sn-pg) in the Harmonious group is larger than the research results of Nguyen Phuong Trinh (2016). Compared to Paula Fernández-Riveiro, the angle of the nose lips (cm-sn-ls) in the harmonious group is smaller than the white ones, while the angle of the chin lips (li-b-pg) and the angle of the nose tip (n-pn)-sn) bigger than white people. The lip angle is much smaller than Lines' research on whites. Thus, the group with harmonious faces had more protruding lips and a more obtuse nose than white Europeans.

4.3. Morphological characteristics, size of harmonious faces of the Kinh people aged 18-25 in the film of the facial skull from afar (n = 407)

4.3.2. Morphological characteristics, size of harmonious faces of the Kinh people aged 18-25 in the film of facial skull from afar (n = 407)

Analysis of the soft tissue angles on the tilted skull film between the harmonious male and the harmonious female, the results showed that the harmonious male and the harmonious female had the following differences that were statistically different: the angle of the nose face Pn-N-Pg, the convex angle through nose N-Pn-Pg (harmonious male: 134.92 ± 5.96 ; harmonious female: 135.82 ± 5.00); angle Z (harmonious male: 74.06 ± 6.73 ; harmonious female: 76.62 ± 5.56); angle of lips (Sn-Ls / Li-Pg) in the harmonious male group is

bigger than the harmonious female group, angle of lips nose (Cm-Sn-Ls) in male harmony is smaller than female harmony, nose angle Pn-N- Sn in male harmony is greater than female harmony, showing that male nose is harmonious higher than the nose of female harmony; N-Pn-Pg 'face convex angle' male is smaller than female harmony, shows male nose is more harmonious than the nose of female group. The convex angle of N-Sn-Pg 'in male harmony is smaller than that of female harmony, showing that male harmony has a slightly convex face compared to female harmony. Comparing Li-B'-Pg's chin lip angle to Scheiderman's research (male 1220, female 1280) we found that male and female chin lips in harmony in our study are bigger (male harmony: $132,39 \pm 12,89^\circ$; harmonious female: $130,28 \pm 15,17^\circ$). Thus, it is clear that the point of B'ing in the male sample in our sample is less concave, or in other words, the male's chin harmonizes less protruding. The corner of Li-B'-Pg's chin lips is smaller than the harmonious female, this shows that the harmonious female has a lower B 'point, or the chin is more concise. This is similar to Vu Khoai's remark that the female with a more chin looks more graceful. Compared to standards and other authors such as Line, Scheiderman, we found that the harmonious male and female have a more protruding face on the lower floor, a lower nose, and more pronon. The Cm-Sn-Ls angle of both men and women is within the limits of Europeans. This shows that the morphological features of the inclined faces of the subjects are evaluated harmoniously although having different values compared to the European race, but still have the common aesthetic trend of the Europeans.

4.4. The perspective of harmonious faces from the perspective of community and professionals

4.4.1. Views on a beautiful face, harmonious face? Is beauty beautiful harmony?

The results of qualitative research showed a clear difference in the viewpoint of "beautiful face" among the 3 different aged groups. People

aged 25-40 think that women have a good-looking face, bright, white, without makeup, with dimples, crooked teeth, and often smiling, creating a gentle, happy, and giving the viewer a feeling of love, closeness, and friendliness. A recent research result published in China by Samizadeh, S.Wu, W. (2018): the most popular face shape is the oval shape which accounts for 39.94. The aesthetic perspective of Vietnam is quite similar to the Chinese. For the middle-aged generation (aged > 45) in Vietnam, they like the "traditional" beauty with the characteristics of "Asian - Thuan Viet" women. They think that people with such faces are kind, gentle, and decent people ... and that is a "beautiful" face. In the younger age group, you tend to like faces that are considered "fashionable" depending on the time, you might like a V-line face; broad forehead; narrow nose; big eye; chin is narrow, short and small; mouth wide with thin upper lip; White skin, smooth. The concept of "beautiful face" is relative and will change over time, be influenced by each class in each specific calendar period and feel about the beauty of each individual.

Subjects 18 - 25 years old have opposing views between beauty and harmony, some objects are different, some have never heard of them; there are subject who think of them as no difference. There are also some subjects <25 years old, when asked initially to distinguish the difference between "beautiful face" and "harmonious face" in which beauty means harmony and relating to each other such as eyelids eyes, the nose is not flat nor need too high, moderate face; male face a bit angular, beard but not too much, tall body, clean, double eyelids ... also harmonious means the facial details are balanced, proportional to each other. With the age of over 25 and under 45, they all agree on the difference between "beautiful" and "harmonious". They said that a beautiful face is a face that will see "accents" that make people feel impressed immediately. For men, harmonious facial expressions in men are not all beautiful facial features such as beautiful eyes, beautiful mouth but not beautiful nose, but when it is arranged in the face, it contributes to mold making that face is more beautiful when contact feels friendlier. Thus, it can be seen

right now in Vietnamese society, among generations, there are also relatively different views, imbued with emotion between "beautiful face" and "harmonious face".

So beautiful is not harmonious? - From the perspective of a professional group, 100% of the experts interviewed said that beauty is not harmonious because a harmonious face in the right proportions is not necessarily beautiful as it depends on the perception of each person. And beauty must be at a higher level than harmony. In other words, beautiful must be harmonious first and harmonious is not necessarily beautiful. According to experts, when identifying a harmonious face, it is common to observe and feel the harmony through the parts of the face: the overall must be balanced, the eyes are not too close to each other, not too far each other, the bridge of the nose is not too flat, not too high, not too rough, the mouth is pretty (meanwhile Europeans prefer a wide mouth). When mentioning "Beautiful", it must first be harmonious, besides it contains additional sensory and sensory elements (not anthropometric factors) such as the eyes must be soulful, the mouth must be fresh, the strokes must be just harmonized and still have to be beautiful and fit together. Thus, beauty and harmony are two different concepts at two levels: harmony is the size and proportion consistent with the common beauty value of Vietnamese people, the facial parts have to be balanced, rate. A beautiful face must first be a harmonious face, besides it contains sensory factors, not anthropological factors.

4.4.2. Views on the perception of beauty among generations in today's society: During the research process, we noticed a clear difference in the perception of beauty and facial harmony of all ages in the community. For the group of people aged 25 - 45, their opinions are also partly influenced by the ideology of the elders in the family but not as heavy as middle-aged people. They also think that people with long, thin, broken faces, high cheekbones are those who are dishonest and hard to believe. Although this is not true for everyone, they still have some reservations. They also like a modern, seductive beauty like "Western celebrities": angular

faces (easy to create accents, impressive makeup), high nose, deep eyes, slightly thick lips, and Tanned skin, with a strong, personality style.

For people aged 18 to 25, we feel that the perception of beauty in this age is the opposite of the two age groups above. Most of the subjects were interested and excited about the beauty of the trendy and stylish faces of Korea, Japan or Thailand with a V-line face, pointed chin, slim face, double eyelids, high nose, white skin (both male and female), ...

4.4.3. Views on the acceptance of plastic surgery and current cosmetic trends: The research results show that the majority of people in society today no longer have a strict view of plastic surgery, they partly accept plastic surgery as part of their lives. However, most people accept Plastic surgery only when they want to correct a certain facial feature, which makes them feel insecure and of course, it is often not shown, or widely announced to relatives, friends, and colleagues. With middle age, they still attach importance to the beauty of natural faces without plastic surgery. Besides, they value the personality, the nature inside people rather than appearance. Young people (18-25) are interested and excited to mention this and share that if they have money, they will get Plastic surgery to overcome the disadvantages considered to be not beautiful on the face to get a more beautiful, more attractive face. With professional groups, most people do not like Plastic surgery; they like natural beauty, Plastic surgery poses only when it is too bad that make the person to be not confident and significantly affect his/her quality of life or social interaction. Although the professional group has a lot of knowledge and experience in this field, in order to let them accept plastic surgery, they have more considerations and do not abuse Plastic surgery. This may be because the professional team understands the risks and catastrophes that can occur when performing cosmetic changes. The results are similar to that of Nguyen Viet Anh (2017) when evaluating the need for an aesthetic change of smiles. A recent study in Korea (2017) found that nearly half of the doctors (49.6%) did not support cosmetic surgery. For experts in the field of anthropological anatomy, when needing to

consider what should plastic surgery be? What and where to adjust should not be abused.

4.4.4. Views on the influence of feng shui elements on the face of Vietnamese society today

For the East, feng shui element on the face has a great influence on the life of every person whether it is male or female, young or old, farmer or intellectual, just the level of impact to the point of living up to them more or less only. The factor "General number" also influences the evaluation process of the "harmonious face" of the expert group. These views may have greatly influenced the aesthetic trend of Vietnamese people. This is a unique feature, different from other peoples in the world. Although there are many influencing factors, the overall view of the expert group is still the aesthetic trend with natural beauty, no intervention. Plastic surgery poses only when the person is too bad, has not good feng shui features, social attention or affect function ... This view is also in line with the opinion on the current facial beauty trends of experts in neighboring countries of Vietnam. This shows that the current trend of plastic surgery in Vietnam and Asia is to help improve facial aesthetics while retaining the characteristics of each nation and race.

4.5. Develop standards for assessing a harmonious face for the Kinh people aged 18-25

In fact, the number of studies on the harmonious facial anthropological characteristics for the adult age group is still quite modest. Each study still has some limitations that make the study results not representative for adults aged 18-25. From an analysis of the results of studies conducted in Vietnam as well as In the world, we propose a table for evaluating harmonious face for adults including 16 general and gender indicators, including 6 ratio indicators, 6 soft tissue angle indicators and 4 distance from lips to cosmetic lines E, S. When evaluating harmonious face, attention should be paid to social perspectives at different ages: The age group 18-25 prefers V-line faces, long pointed chin, large round eyes, high and narrow nose, wide mouth

with thin upper lip, smooth white skin..... Age <45, the face does not need to be too beautiful, nor does it need to be "pure Vietnamese" important overall the face must be elegant, gentle, friendly and reliable (with men); For women, they like the charming, modern beauty of the West: the nose is high, straight, the face is slightly angular ... Age> 45 years old, for men, most of them still like traditional, rustic faces Breed, bring the beauty "Pure Vietnamese" and greatly influenced the facial features, especially on the female face. Beauty today is developing according to two trends: natural beauty without cosmetic intervention and beauty with cosmetic intervention to a certain extent.

CONCLUSION

1. Characteristics of harmonious faces of the Kinh people aged 18-25 years old according to the opinion of the professional council

The rate of Harmonious face is 45.20%; in which oval face: 66.6%, square: 25.8%, triangle: 7.6%. The horizontal, vertical, and proportions of Harmonious-male faces are larger than Harmonious-female. The three- facial height in the harmonious and non-harmonious group did not differ. The compatibility with the neoclassical standard in both male and Harmonious-female at the "same" rate is very low (<2.0%). There is a difference in distance between lips and aesthetic lines E and S between Harmonious groups and Harmonious groups; The majority of the angles in Harmonious-female are higher than that of Harmonious-male with a statistically significant difference, some angles are worth evaluating harmonious facial aesthetics such as the convex angle of the face; corner of forehead corner of nose Lip angle of chin lips... *On the film the skull is tilted from afar:* distance from lips to E, S lines in Harmonious male is larger than Harmonious female ($p < 0.05$); XHT - XHD correlation: there is no difference between Harmonious male and female except the angle (F / N-Pg); Soft tissue angles: N-Sn-Pg angle in southern Harmonious: $161.28 \pm 6.03^\circ$; in Harmonious-female is $162.85 \pm 5.49^\circ$; The lips angle (Sn-Ls-Li-Pg) in Harmonious-male is

bigger than Harmonious-female; angle of chin lips (Harmonious-female chin is more notched than Harmonious-male); nose angle of lips between two groups of harmonious is no difference; The angle of the nose and face (N-Pn-Pg) in Harmonious-male is smaller than Harmonious-female while the angle of the nose (Pn-N-Pg) in male is bigger than Harmonious-female, it shows that male nose of Harmonious is higher and sharper than Harmonious-female.

2. Aesthetic viewpoint on harmonious faces of Kinh ethnic people aged 18-25 years from the perspective of non-professionals

Harmony is a face whose dimensions and facial measurements are close to the average values of Vietnamese and Asians. Harmony is not beautiful. Beautiful must first be a face with all the criteria of "harmony" besides satisfying the "sensory" element of the viewer. At each age, the perspective of a harmonious face differs. Young people like V-line faces, pointed chin, big round eyes, double eyelids, high nose, fair skin, do not care about the "digital face" that easily accept "plastic surgery" People aged 25 to under 45 prefer a long, thin face, high cheekbones, creating a charming, Western-style personality. Middle-aged people prefer traditional Vietnamese faces: round or oval faces, feminine, gentle, angular faces, high cheekbones, too thin lips are not beautiful, besides it is very important digital facial features.

3. Criteria for assessing a harmonious face for Kinh ethnic people aged 18-25

A face rated as harmonious must satisfy social (qualitative) and scientific (quantitative) standards. Standard of society (qualitative): these are facial morphological features that are felt and loved by most societies such as the right oval face, good looking, exuding gentle and gentle appearance (for women), or slightly angular face, exuding masculinity (with male), big eyes, round, soulful, red lips, not too thin, fair skin, smooth, healthy ... and not bring features "General" is not as good as high cheekbones, wide mouth, small eyes... This standard can change with age, trend and a general trend of society.

Commented [NTTH5]: Phần này đưa ra kết quả rất tốt, trong phần kết luận chỉ đưa ra ý quan trọng và nhấn mạnh những tiêu chuẩn cần lưu ý.

Scientific standard (quantitative): it is an oval face with measurements on the image (or x-ray) to help assess the symmetry, the ratio between the three faces, and the symmetry between the sizes of the eye, nose, lips on the face; Some cosmetic soft tissue angles assess the harmony between forehead - nose - lips - chin, and the correlation between lips and cosmetic lines ... (Standard table).

RECOMMENDATION

- The initial research results have contributed to the development of a standardized face assessment criteria table for the Kinh people aged 18-25 who are representative of Vietnamese people. However, there is still a need for further studies to be done on different ethnic groups, at different ages to complete the set of common standards to meet the needs of society.

- The organization of contests to find beautiful faces in Vietnam can use this standard as a reference channel to help filter out the harmonious faces that meet both quantitative and qualitative criteria so that best suited to Vietnamese culture.

- This is a valuable and official resource for physicians practicing cosmetic surgery as well as orthodontic referencing before, during and after cosmetic surgery for Vietnamese patients. Consistent with the general psychology of Vietnamese people.